

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG  
SÀI GÒN**

Tp.HCM, tháng 4/2016



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN**  
**Năm báo cáo 2015**

**I. Thông tin chung**

*1. Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302615063
- Vốn điều lệ: 740,019,140,000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 740,019,140,000 đồng
- Địa chỉ: Lô 46 Công viên Phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP.HCM.
- Số điện thoại: (84.8) 3715 9909
- Số fax: (84.8) 5437 1074
- Website: www.saigontel.com
- Mã cổ phiếu: SGT

***Quá trình hình thành và phát triển***

Thành lập ngày 14/05/2002, đến nay sau hơn 13 năm, SaigonTel luôn phấn đấu để trở thành một trong những công ty công nghệ và viễn thông hàng đầu Việt Nam.

- Năm 2002: Ngày 14/5/2002, SaigonTel được thành lập và chính thức hoạt động với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng. Nhờ sự hậu thuẫn từ Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn và xác định viễn thông sẽ là một trong những ngành nghề phát triển nhất trong tương lai, ngay sau khi thành lập, SaigonTel đã chính thức cung cấp dịch vụ Internet tốc độ cao ở KCN Tân Tạo và KCN Việt Nam – Singapore (VSIP)
- Năm 2004: Công ty thắng thầu Dự án Tích hợp hệ thống (SI) lớn đầu tiên: “Nâng cấp và mở rộng hệ thống VolP 171” cho Công ty Điện toán Truyền Số liệu VDC (một đơn vị trực thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, VNPT) và bắt đầu phát triển phần mềm.
- Năm 2005: Việc thực hiện thành công những dự án trên đã ít nhiều tạo được uy tín ban đầu cho SaigonTel. Trong năm 2005, Công ty chính thức được Bộ Bưu chính Viễn thông cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông ISP (dịch vụ truy cập Internet). Cũng trong năm này, Công ty khởi công khu ICT Kinh Bắc (Bắc Ninh) với diện tích ban đầu là 50 ha và Cao ốc Saigon ICT tại Công viên Phần mềm Quang Trung (TP.HCM) nhằm phục vụ cho nhu cầu của Công ty, các khách hàng và các đối tác.
- Năm 2006: Với mục đích đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực CNTT, năm 2006, SaigonTel liên kết với Đại học Hùng Vương thành lập Viện Công nghệ Viễn thông



Sài Gòn và khai giảng khóa huấn luyện nguồn nhân lực CNTT đầu tiên cho thị trường Nhật.

- Năm 2007: Tháng 1/2007, SaigonTel trở thành cổ đông sáng lập (chiếm 7% VDL) của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao TP.HCM. Tháng 2/2007, SaigonTel chính thức kinh doanh Game Online trên thị trường Việt Nam với Game trực tuyến đầu tiên Shaiya. Chỉ sau một năm phát hành, Shaiya đã nhận được rất nhiều giải thưởng: Đơn vị có game mới phát hành được ưa chuộng và là Game Quốc tế Online có thiết kế đồ họa ấn tượng nhất trong năm. Ngày 19/09/2007, SaigonTel chính thức được Bộ TT &TT cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông OSP.
- Năm 2008: SaigonTel tham gia thành lập và giữ trên 50% cổ phần của các Công ty như Công ty Cổ phần Truyền thông VTC-SaigonTel và Công ty Cổ phần Dệt may Viễn thông Sài Gòn Vina, mở ra ngành nghề kinh doanh mới khai thác kênh truyền hình quảng bá và đầu tư, quản lý, khai thác cao ốc.

Ngày 18/01/2008 đánh dấu một sự kiện khác của SaigonTel: 45 triệu cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán SGT.

- Năm 2011: Trở thành cổ đông lớn của Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn SPT.
- Năm 2013: SaigonTel chính thức bước vào thị trường điện thoại di động thông minh với việc trở thành nhà phân phối độc quyền Sharp smartphone; Haier smartphone tại thị trường Việt Nam.
- Tháng 11 năm 2014, SaigonTel thành lập Công ty TNHH MTV SaigonTel chuyên phân phối các sản phẩm, thiết bị viễn thông. Trong những tháng cuối năm, MTV SaigonTel đánh dấu bằng sự kiện thắng thầu nhiều dự án lớn, cung cấp các sản phẩm, thiết bị viễn thông cho Công ty CP Viễn thông Quân đội Viettel và hệ thống Viettel Global; đóng góp hơn 40% doanh thu toàn công ty.
- Tháng 12/2014, sự ra đời của Công ty CP Phân phối và Dịch vụ SaigonTel đánh dấu sự trưởng thành của bộ phận ICT; ngoài mặt hàng kinh doanh chiến lược là điện thoại di động; công ty phân phối chính thức được Ban lãnh đạo giao nhiệm vụ kinh doanh thêm ở một số lĩnh vực tiềm năng khác như: Cho thuê mặt bằng, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm chức năng,...
- Cũng trong năm 2014, Công ty đã tiến hành chuyển nhượng một phần cổ phiếu của Công ty CP Truyền thông Sắc Màu Sài Gòn (SGC) cho bên thứ ba, SGC không còn là công ty thành viên của SaigonTel kể từ thời điểm trên.
- Trong năm 2015, Công ty CP Phân Phối và Dịch vụ SaigonTel trong năm đầu tiên hoạt động đã triển khai ký được hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp có thương hiệu lớn và uy tín trên thị trường thế giới như: Plantronics, Seagate, Transcend, 3sixt, Zadez,... để thực hiện phân phối 1 số dòng sản phẩm độc quyền tại thị trường Việt Nam.
- Ngày 28/10/2015, chính thức ra mắt website duli.vn, một platform với xuất phát điểm

là trang thông tin du lịch, chuyên về giới thiệu những điểm đến thú vị trong nước (và tương lai là các nước trong khu vực Đông Nam Á) cùng những thông tin hữu ích về kinh nghiệm, cảm nang,... cho những người đam mê du lịch. Bắt đầu từ platform này, trong tương lai gần Duli.vn hứa hẹn sẽ mở rộng thêm nhiều dịch vụ và tính năng tiện ích, giúp người dùng chủ động được hành trình khám phá của mình trong và ngoài nước

Chặng đường 14 năm phát triển với không ít cột mốc đáng nhớ, cùng với những giải thưởng tiêu biểu như: Giải thưởng Quả cầu vàng năm 2008, 2009; giải thưởng Doanh nghiệp Vì cộng đồng 2009; Thương hiệu kinh tế đối ngoại uy tín 2009; giải thưởng Thương hiệu Chứng khoán uy tín năm 2009, 2010; Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR 500) nhiều năm liền; Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2010; giải thưởng Sao Vàng Đất Việt... đã chứng tỏ nội lực và khả năng phát triển mạnh mẽ của SaigonTel để trở thành doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực CNTT, viễn thông và các ngành liên quan.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

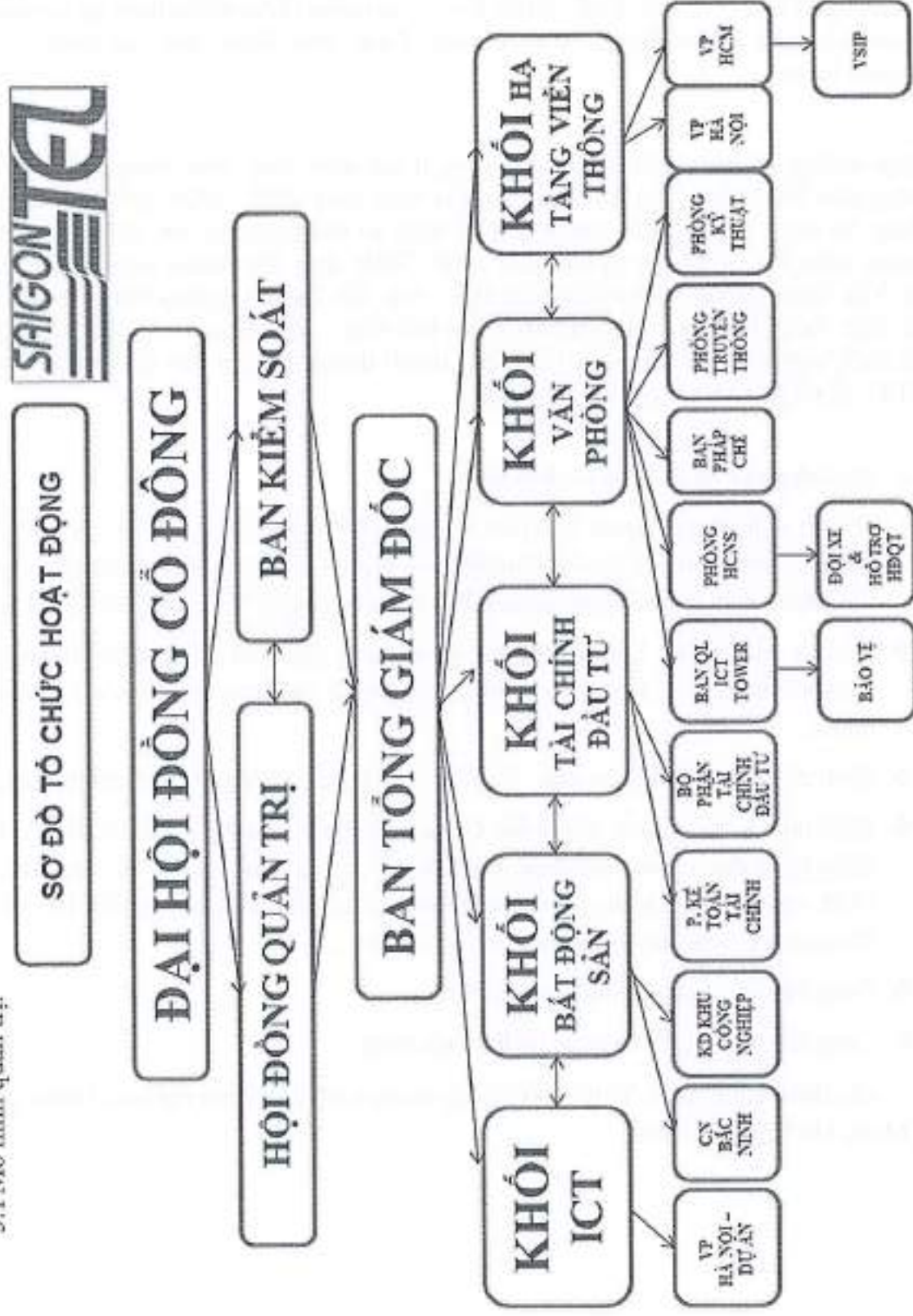
- Ngành nghề kinh doanh: Sau hơn 13 năm phát triển không ngừng, SAIGONTEL luôn chứng minh là một doanh nghiệp cổ phần lớn, hoạt động đa lĩnh vực với tất cả sản phẩm, dịch vụ đều tập trung vào lĩnh vực công nghệ, viễn thông và CNTT như:

- ❖ Đầu tư, xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng như khu Công nghệ thông tin và Truyền thông ICT, khu công nghiệp công nghệ cao, cao ốc thông minh trên toàn quốc...
- ❖ Kinh doanh bất động sản, nhà, xưởng, cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp.
- ❖ Kinh doanh, phân phối sản phẩm Công nghệ thông tin, hiện SAIGONTEL là nhà nhập khẩu độc quyền các dòng thiết bị công nghệ như ổ cứng di động, thẻ nhớ, USB, camera hành trình,... từ những nhà cung cấp lớn và uy tín trên thế giới như Plantronics, Seagate, Transcend, 3sixt, Zadez,...
- ❖ Cung cấp các dịch vụ, thiết bị viễn thông
- ❖ Cung cấp dịch vụ ISP và các dịch vụ gia tăng.

- Địa bàn kinh doanh: SAIGONTEL tập trung kinh doanh tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bắc Ninh



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý  
 3.1 Mô hình quản trị.



## 4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.

### a. Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định số thành viên của HĐQT; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty

### b. Hội đồng quản trị:

Hàng quý trong năm, HĐQT Công ty đều tổ chức họp thường kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, tổng kết những thành quả đạt được và những tồn tại cần khắc phục (nếu có), từ đó đưa ra những phương hướng giải quyết, điều chỉnh một cách nhanh chóng, kịp thời. Ngoài ra, trước một sự kiện/vấn đề có tính thời sự, cấp bách, HĐQT cũng nhanh chóng triệu tập các cuộc họp bất thường nhằm kịp thời thông qua các quyết định đầu tư, quyết định góp vốn liên doanh hay thành lập các công ty trực thuộc... Chương trình nghị sự chính tại các cuộc họp cụ thể là: chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Điều hành, đưa ra các quyết định đầu tư, các chủ trương lớn...

Với tinh thần trách nhiệm cao, tầm nhìn chiến lược đúng đắn cùng việc đưa ra các quyết định nhạy bén, đúng thời điểm, trong năm qua các thành viên HĐQT đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Đặc biệt, tuy cực kỳ bận rộn với lịch làm việc và những chuyến công tác dày đặc nhưng Chủ tịch HĐQT luôn cố gắng thu xếp thời gian làm việc với Ban Điều hành, quán triệt tầm nhìn, sứ mạng của Công ty và trực tiếp chỉ đạo các hoạt động chiến lược. Với tầm vóc và uy tín cá nhân của mình, Chủ tịch HĐQT thường xuyên làm việc với lãnh đạo các cấp, với các đối tác trong và ngoài nước và thu hút được nhiều dự án lớn về cho Công ty.

### c. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát thay mặt cổ đông kiểm soát các hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị, hoạt động điều hành Công ty. Hàng quý, Ban Kiểm soát đều họp thường kỳ để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của Công ty.

### d. Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến



lược, kế hoạch đã được Hội đồng Quản trị Công ty và Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

#### **e. Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm; chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê, hạch toán kinh tế và công tác tài chính của Công ty; thực hiện các công việc theo ủy quyền của Tổng giám đốc.

#### **f. Các phòng ban nghiệp vụ**

##### **- Khối ICT**

Bộ phận ICT chịu trách nhiệm đối với các dự án viễn thông cũng như việc kinh doanh các sản phẩm công nghệ, viễn thông của Công ty. Định kỳ từng tháng khối ICT sẽ lên kế hoạch kinh doanh cũng như doanh thu, lợi nhuận dự kiến để báo cáo với Ban Tổng Giám Đốc cũng như đảm bảo việc kinh doanh của Công ty được diễn ra liên tục và hiệu quả.

##### **- Khối Bất động sản**

Bộ phận này hoạt động chủ yếu tại Chi nhánh Bắc Ninh, chịu trách nhiệm kinh doanh tại Khu công nghiệp Đại Đồng – Hoàn Sơn với hoạt động chính là cải tạo, xây dựng các khu nhà xưởng, văn phòng tại Khu công nghiệp. Đồng thời đối với các hạng mục đã hoàn thành sẽ tiến hành bán và cho thuê các tài sản tại Khu công nghiệp này. Hoạt động của Khối Bất động sản này chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng doanh thu của Công ty và đây cũng được xem như là một trong những hướng phát triển chủ đạo của Công ty.

##### **- Khối Tài chính Đầu tư**

Khối Tài chính đầu tư bao gồm hai bộ phận chính là bộ phận Kế toán và Đầu tư.

- Bộ phận Kế toán với nhiệm vụ và chức năng chính là tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty để định kỳ báo cáo trực tiếp lên Ban Tổng Giám Đốc, đồng thời đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính của Công ty.
- Bộ phận Đầu tư với nhiệm vụ xem xét và thẩm định các dự án của Công ty để có thể tham mưu, cố vấn cho Ban Tổng Giám đốc trong việc đưa ra các quyết định đầu tư, đồng thời cũng hỗ trợ Ban Tổng Giám Đốc trong việc đề ra các phương hướng kinh doanh cũng như kế hoạch tài chính cho Công ty một cách hợp lý nhất.

##### **- Khối Văn phòng**

Khối văn phòng bao gồm bộ phận Quản lý Toà nhà ICT Tower và các bộ phận hỗ trợ hoạt động thường ngày của Công ty như Phòng Hành chính – Nhân sự, Phòng Pháp chế, Phòng truyền thông và Phòng Kỹ thuật. Các bộ phận này có nhiệm vụ hỗ trợ các bộ phận



khác trong các hoạt động hàng ngày của Công ty, đảm bảo cho các hoạt động của Công ty được diễn ra liên tục và hiệu quả.

**- Khối Hạ Tầng Viễn Thông**

Khối hạ tầng viễn thông hoạt động tại Văn phòng Hà Nội, văn phòng Hồ Chí Minh và tại khu công nghiệp Vietnam-Singapore, chịu trách nhiệm kinh doanh, cung cấp các dịch vụ hạ tầng viễn thông đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng về băng thông, tốc độ và sự ổn định. Bộ phận góp phần không nhỏ vào doanh thu, tạo nên nguồn thu ổn định của công ty trong những năm qua.

**4.3. Các công ty con, công ty liên kết:**

<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Quan hệ</b>	<b>Lĩnh vực KD chính</b>	<b>Vốn góp của công ty</b>	<b>Chiếm tỷ lệ</b>
Công ty CP Phân Phối Và Dịch Vụ SAIGONTEL	Tầng 4, số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP.HCM, Việt Nam	Công ty con	Phân phối các mặt hàng điện tử, công nghệ viễn thông.	21,000,000,000	70%
Công ty TNHH Một Thành Viên SAIGONTEL	Tầng 3, số 193 đường Trích Sài, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Hà Nội.	Công ty con	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	20,000,000,000	100%

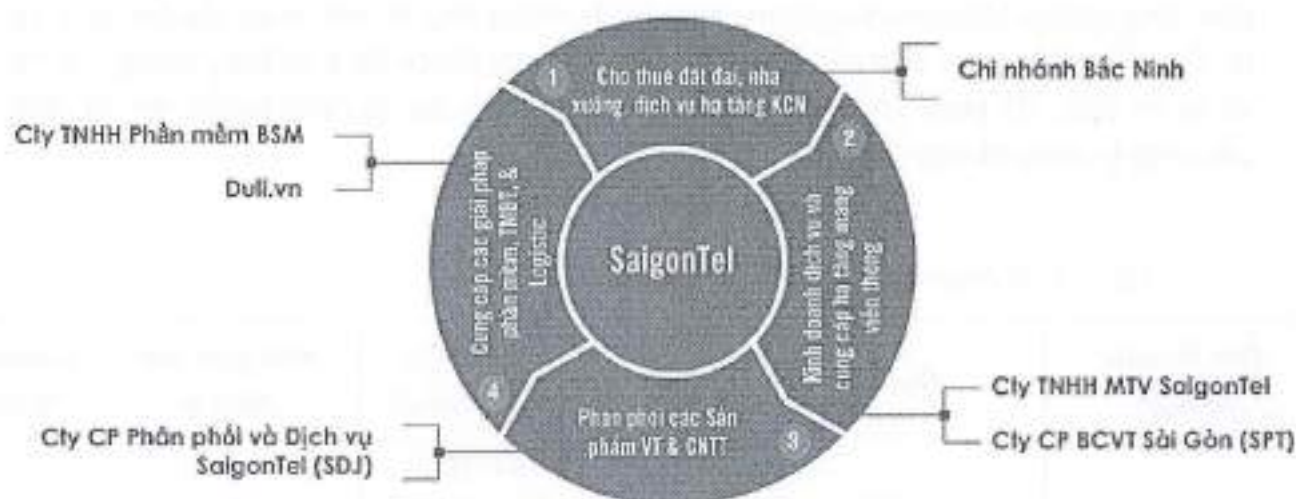
**5. Định hướng phát triển**

**5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Là thành viên của Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn (SGI) – chủ sở hữu của 38 Khu công nghiệp (KCN) trải dài trên toàn quốc, hiện đang cung cấp các dịch vụ hạ tầng, dịch vụ viễn thông trong các Khu công nghiệp của SGI. Với vai trò là chủ sở hữu – Ban Quản lý các KCN và là nhà cung cấp dịch vụ, hơn ai hết, SGI hiểu rõ nhu cầu của các khách hàng trong các KCN, cách tiếp cận và thoả mãn nhu cầu của tập khách hàng này.

Chính vì vậy, mục tiêu chủ yếu của Công ty là tập trung vào nhóm khách hàng FDI trong KCN. Bằng việc xây dựng một Hệ sinh thái (eCo-system) đặc trưng với những ưu thế hiện có về tập khách hàng, mối quan hệ giữa BQL và các Doanh nghiệp, đội bán

hang và các đội hỗ trợ tại chỗ cũng như cơ sở hạ tầng, vật chất hiện có, SGT và các đơn vị thành viên hiện đang là đối tác hợp tác/nhà cung cấp các sản phẩm/dịch vụ viễn thông & công nghệ thông tin cho các nhà mạng/hãng sản xuất hàng đầu Việt Nam và thế giới, tập trung vào thị trường Telco, GOV, NMC, SMB,....



### 5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Trong năm 2016, SAIGONTEL sẽ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh đảm bảo lợi nhuận ổn định lâu dài như: đầu tư kinh doanh hạ tầng tại các Khu công nghiệp. Đặc biệt, tập trung đẩy mạnh việc khai thác và phát triển khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn với tổng diện tích 450ha tại Bắc Ninh. Đây là khu công nghiệp nằm ở vị trí đắc địa về giao thương, được các nhà đầu tư nước ngoài đánh giá rất cao, các khu công nghiệp này đang đưa về doanh thu rất lớn cho Công ty.
- Bên cạnh đó, SAIGONTEL sẽ triển khai hạ tầng viễn thông cũng như các dịch vụ giá trị gia tăng khác tại các KCN và dự án do Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn (SGI) quản lý.
- SAIGONTEL tiếp tục định hướng con đường phát triển bằng việc hợp tác với các Tập đoàn công nghệ hàng đầu trên thế giới cũng như mở rộng hoạt động bằng việc ký kết các hợp đồng phân phối độc quyền các sản phẩm thiết bị công nghệ với các nhà sản xuất lớn trên thị trường.
- Bên cạnh đó, trong năm 2016 Công ty cũng tiếp tục đẩy mạnh việc kinh doanh đối với các dịch vụ và sản phẩm viễn thông cũng như công nghệ số. Theo Quyết định số 2451/QDD-Ttg ngày 27/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ, Truyền hình kỹ thuật số mặt đất sẽ được triển khai trên toàn quốc trong giai đoạn 2015-2020. Điều này đã tạo ra nhu cầu đột biến về Set top box (STB) cũng như mở ra cơ hội



để đưa nội dung số đến với màn hình TV. Trước triển vọng thị trường đầy hứa hẹn, SaigonTel nhanh chóng chớp lấy cơ hội này để trở thành nhà cung cấp các thiết bị STB và IPTV cũng như các nội dung số cho truyền hình, hợp tác với các kênh truyền hình trả tiền hiện hữu trên thị trường, xây dựng hệ thống truyền tải thông tin từ các nhà khai thác mạng nhằm đưa nội dung số cho truyền hình đến với màn hình TV tại các hộ gia đình.

- Với những hướng đi này, cùng những thay đổi linh hoạt tùy vào từng thời điểm, Công ty hy vọng sẽ tiếp tục phát triển và nắm bắt nhanh chóng tất cả các cơ hội có được, quyết tâm đáp ứng nhanh nhất và tốt nhất các nhu cầu của các nhà đầu tư, đối tác, khách hàng về các sản phẩm cũng như dịch vụ viễn thông, bất động sản – khu công nghiệp và truyền thông.

### *5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.*

Công ty đảm bảo rằng vấn đề trách nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng là phần gắn liền với hệ thống quản lý và văn hóa doanh nghiệp. Trong tất cả các hoạt động của mình, Công ty đảm bảo rằng không gây ra bất cứ ảnh hưởng nào đến môi trường, xã hội và cộng đồng chung.

## **6. Các rủi ro:**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám Đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### *6.1. Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

#### *- Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### *- Rủi ro ngoại tệ*



Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Hiện tại, công ty đang sử dụng hình thức mua bán ngoại tệ kỳ hạn để hạn chế những rủi ro phát sinh do biến động tỷ giá.

**- Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 799,153,882,984 đồng Việt Nam. Giá cổ phiếu của các Công ty niêm yết không có biến động lớn kể từ ngày 31/12/2014 đến thời điểm lập báo cáo này.

**6.2. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

**- Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng phần lớn các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt. Các khoản tài sản tài chính bị suy giảm đã được Công ty lập dự phòng đầy đủ.

**- Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**6.3. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

<b>31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
Các khoản vay và nợ	175.244.117.580	624.207.441.612	-	<b>799.4451.559.192</b>
Phải trả người bán	101.584.962.230	-	-	<b>101.584.962.230</b>
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn, dài hạn khác	115.701.734.039	402.512.482.224	2.957.995.600	<b>521.172.211.863</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>392.530.813.849</b>	<b>1.026.719.923.836</b>	<b>2.957.995.600</b>	<b>1.422.208.733.285</b>

#### 6.4. Các rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên, Công ty còn có thể gặp phải những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như lũ lụt, hạn hán, cháy, nổ,... Công ty đã luôn áp dụng những tiêu chuẩn quản lý nghiêm ngặt nên trừ những trường hợp bất khả kháng, các rủi ro này ít khi xảy ra và gần như không có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

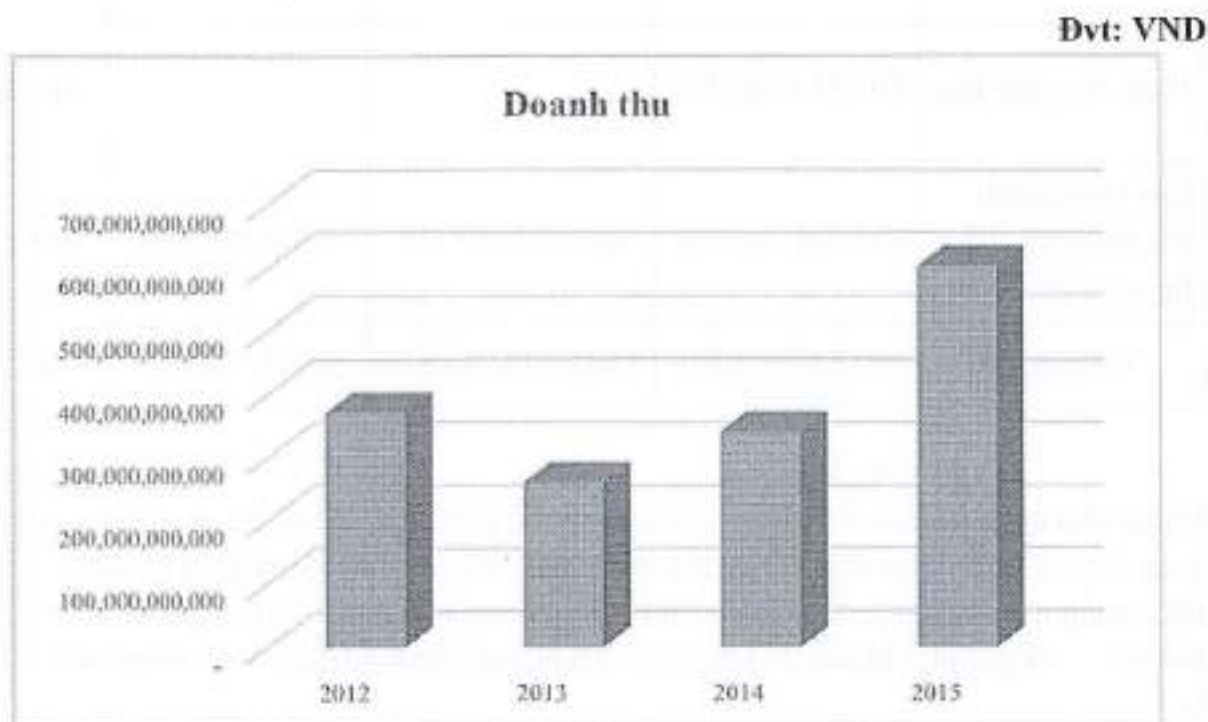
### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Vào thời điểm 31/12/2015, vốn cổ đông thực góp là 740,019,140,000 đồng. Tổng tài sản cuối năm tài chính 2015 đạt 2,171 tỷ đồng, bằng 118.4% so với thời điểm 01/01/2015.

Tổng doanh thu năm 2015 của Công ty là 604.01 tỷ đồng, đạt 173% kế hoạch và tăng 1.80 lần so với năm 2014 đã cho thấy trong năm 2015, Công ty đã có bước phát triển lớn so với năm 2014. Tuy nhiên, đến cuối năm 2015, Lợi nhuận sau thuế của Công ty là 22,33 tỷ đồng, đạt 63.81% so với kế hoạch đề ra và bằng 77.93% so với kết quả năm 2014.

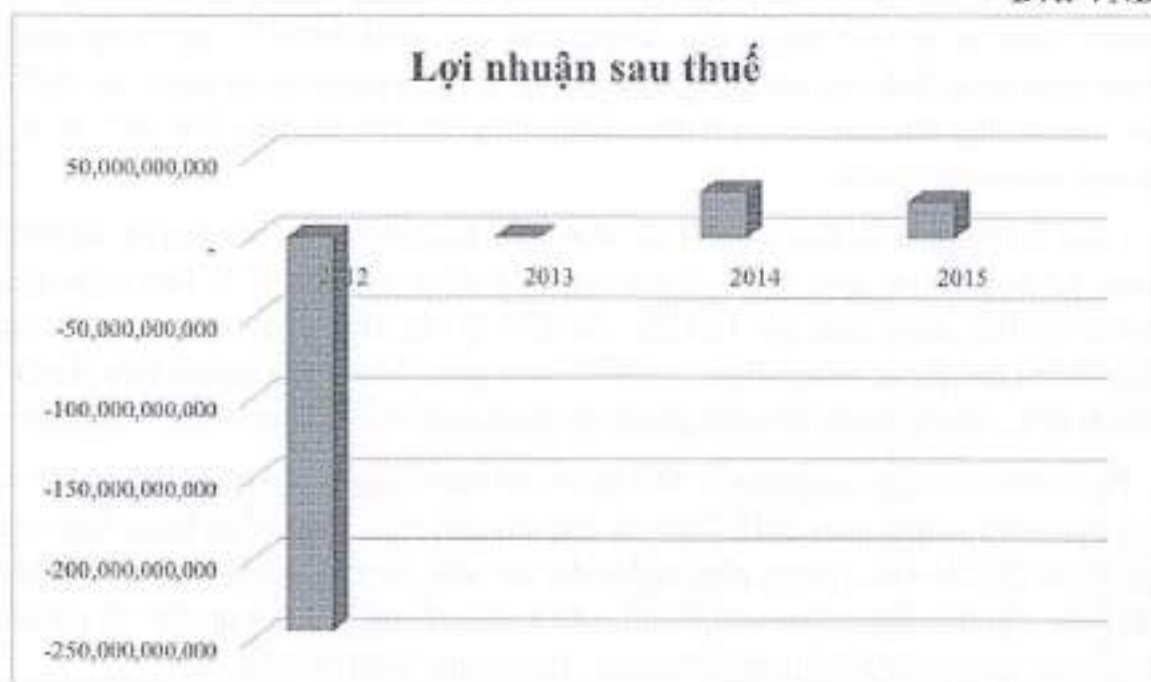
Biểu đồ 1: Doanh thu qua các năm 2012 - 2015





Biểu đồ 2: Lợi nhuận sau thuế qua các năm 2011 - 2014

Đvt: VND



#### Những thay đổi chủ yếu trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014

Kiên định phương châm “Luôn luôn thay đổi, luôn luôn tiếp nhận những cái mới”, nhiều năm qua, SAIGONTEL luôn tìm tòi, phát triển những sản phẩm mới nhằm mang đến những dịch vụ viễn thông, CNTT và giá trị gia tăng tốt nhất, chất lượng nhất, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các khách hàng.

Trong năm 2015, bên cạnh việc tiếp tục phát triển các hoạt động kinh doanh như kinh doanh và khai thác cơ sở hạ tầng cao tốc Saigon ICT1 tại Công viên Phần mềm Quang Trung, khu ICT Đại Đồng - Hoàn Sơn, cung cấp dịch vụ Internet, kinh doanh và phân phối sản phẩm viễn thông, Công ty cũng đã chính thức triển khai nhiều cơ sở hạ tầng, sản phẩm, dịch vụ mới như:

- *Triển khai hạ tầng viễn thông:* Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng viễn thông tại KCN trực thuộc tập đoàn SGI như KCN Đại Đồng Hoàn Sơn, KCN Quang Châu, KCN Quế Võ mở rộng.. để cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp đang hoạt động tại các KCN này. **Đồng thời SAIGONTEL cũng xác định rõ hoạt động hạ tầng viễn thông sẽ là hoạt động chính và là nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty.**

- *Tập trung nghiên cứu phát triển trong lĩnh vực nội dung số:* Nội dung số là một lĩnh vực

đang được quan tâm hiện nay, do đó nhu cầu của khách hàng cũng ngày càng cao, đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng nỗ lực tìm ra những hướng đi mới cùng nhiều sản phẩm, dịch vụ có chất lượng cao. Trong năm qua, SAIGONTEL tập trung nghiên cứu phát triển trong lĩnh vực nội dung số, tích hợp các ứng dụng và nội dung vào thiết bị cầm tay nhằm tăng khả năng cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa dịch vụ ICT chất lượng cao trong ngành.

- *Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT)*: SAIGONTEL đã chính thức mua lại cổ phần từ năm 2011 và trở thành cổ đông lớn của SPT. Đến cuối năm 2015 SAIGONTEL đang nắm giữ 19,50% vốn điều lệ của SPT, đồng thời trực tiếp tham gia điều hành các dự án trọng điểm của SPT, bao gồm: Mạng cáp quang biển AAG, Mạng NGN SPT, Mạng truyền dẫn cáp quang và mạng truyền dẫn Microwave toàn quốc...

- *Phát triển các dịch vụ quản lý*: Với sự ra đời của Công ty Cổ phần Phân phối và Dịch vụ Saigontel, trong năm 2015 Công ty bắt đầu mở rộng hoạt động trong lĩnh vực phân phối các thiết bị viễn thông, công nghệ như thẻ nhớ, ổ cứng ngoài, camera hành trình và đã bước đầu đạt được thành công khi ký được một số các HĐ độc quyền với các hãng lớn của nước ngoài như Plantronics, Seagate, Transcend, 3sixt, Zadez,...

• **Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

Tổng doanh thu năm 2015 của Công ty là 604.01 tỷ đồng, đạt 173% kế hoạch và tăng 1.80 lần so với năm 2014 đã cho thấy trong năm 2015, Công ty đã có bước phát triển lớn so với năm 2014. Tuy nhiên, đến cuối năm 2015, Lợi nhuận sau thuế của Công ty là 22,33 tỷ đồng, đạt 63.81% so với kế hoạch đề ra và bằng 77.93% so với kết quả năm 2014.

Sở dĩ lợi nhuận năm 2015 chưa đạt được chỉ tiêu lợi nhuận đề ra cũng như có phần giảm sút so với kết quả năm 2014, nguyên nhân là do:

- Thứ nhất, để đảm bảo số liệu trình bày trên báo cáo tài chính năm 2015 là trung thực, hợp lý thì Công ty đã trích lập dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi số tiền 35,8 tỷ và dự phòng đầu tư tài chính dài hạn 23.5 tỷ
- Thứ hai, trong năm 2015, các công ty con của SAIGONTEL bắt đầu triển khai hoạt động và do trong giai đoạn đầu triển khai nên có nhiều chi phí phát sinh dẫn đến tổng chi phí trong năm tăng so với năm 2014
- Thứ ba, nền kinh tế thị trường trong năm vừa qua có dấu hiệu phục hồi nhưng chưa thực sự khởi sắc, bên cạnh sự biến động của tỷ giá trong thời gian vừa qua đã ảnh hưởng đến việc đàm phán và ký kết các Hợp đồng của Công ty và các đối tác lớn trong và ngoài nước của SAIGONTEL.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Hội đồng Quản trị (HDQT)

*Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng*

Danh sách Hội đồng Quản trị:

- |                            |                   |
|----------------------------|-------------------|
| a. Ông Đặng Thành Tâm      | - Chủ tịch HĐQT   |
| b. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh | - Thành viên HĐQT |
| c. Bà Nguyễn Thị Sương     | - Thành viên HĐQT |
| d. Bà Nguyễn Cẩm Phương    | - Thành viên HĐQT |
| e. Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh | - Thành viên HĐQT |

Danh sách Ban Tổng Giám đốc:

- |   |                                   |
|---|-----------------------------------|
| a. Bà Nguyễn Cẩm Phương                   | - Tổng Giám đốc                   |
| b. Ông Vũ Ngọc Ánh<br>Chi nhánh Bắc Ninh  | - Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc |
| c. Ông Phạm Đức Tuấn                      | - Phó Tổng Giám Đốc               |
| d. Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh<br>toán trưởng | - Phó Tổng Giám đốc kiêm Quyền Kế |

Danh sách Ban Kiểm soát:

- |                        |                            |
|------------------------|----------------------------|
| a. Ông Lê Chí Cường    | - Trưởng Ban Kiểm soát     |
| b. Bà Lê Thị Anh       | - Thành viên Ban Kiểm soát |
| c. Bà Lê Thị Kim Nhung | - Thành viên Ban Kiểm soát |

Danh sách Kế toán trưởng:

- |                            |                        |
|----------------------------|------------------------|
| a. Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh | - Quyền kế toán trưởng |
|----------------------------|------------------------|



**Lý lịch trích ngang các thành viên của Hội đồng Quản trị:**

**a. Ông Đặng Thành Tâm - Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

**Ông ĐẶNG THÀNH TÂM** (sinh 1964) kỹ sư Hàng Hải (đại học Hàng Hải, Hải Phòng), từng công tác tại công ty vận tải biển Sài Gòn (1988-1996). Ông học thêm hai ngành luật, quản trị kinh doanh và có bằng cử nhân luật, cử nhân quản trị kinh doanh, Bằng Diploma of Business Management của Trường Henley - Anh Quốc.

Ông là một doanh nhân Việt Nam, được xếp hạng là người giàu nhất ở Việt Nam năm 2007 và thứ ba Việt Nam năm 2008, 2009 và 2010 dựa trên giá trị cổ phiếu sở hữu. Ông là chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc của các công ty đã niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán Việt Nam: Công ty Công nghệ Viễn thông Sài Gòn, Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc.

Ngoài công việc kinh doanh, ông Đặng Thành Tâm còn là Đại biểu Quốc hội khóa XIII.

**Lãnh đạo các doanh nghiệp đạt được nhiều thành tích nổi bật:**

Cùng với Tập thể Công ty Cổ phần KCN Tân Tạo được tặng: Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2006, Huân chương Lao động hạng Ba năm 2001 cùng nhiều Cờ Thi đua và Bằng khen của Thủ Tướng Chính Phủ; Thời gian qua, Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc – CTCP đã có những thành tích rất xuất sắc trong công tác và đã được ghi nhận, khen thưởng xứng đáng: Được tặng Huân chương Lao động Hạng Ba khi mới 5 năm tuổi. Đây là một danh hiệu vô cùng cao quý đối với một doanh nghiệp khi đó mới 5 tuổi; 7 năm liên tiếp (2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010) được tặng Cờ thi đua xuất sắc dẫn đầu của Chính phủ; Đã được tặng nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh và của các Bộ Ban ngành Trung ương và địa phương; Là doanh nghiệp đại chúng có mã chứng khoán KBC đã lọt vào danh sách Top 10 mã chứng khoán uy tín nhất Việt Nam do Standard & Poor's (Tổ chức đánh giá tài chính hàng đầu thế giới của Hoa Kỳ) bình chọn; Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc cũng đã vinh dự nhận được rất nhiều danh hiệu, giải thưởng danh giá: trong đó tiêu biểu là Top 10 Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt dành cho 10 thương hiệu nổi tiếng và đứng đầu mỗi ngành. KBC là đơn vị đứng đầu lĩnh vực Bất động sản của Việt Nam lọt vào TOP 10 Giải thưởng này; Giải thưởng doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu ba nước Lào – Campuchia – Việt Nam; Cúp vàng “Văn hóa doanh nghiệp”; và là 1 trong 23 doanh nghiệp toàn ASEAN được tặng giải thưởng Doanh nghiệp xuất sắc nhất ASEAN 2010.

### **Thành tích của cá nhân:**

Đã được tặng Huân chương Lao động hạng Nhất; Huân chương Lao động hạng Nhì; Huân chương Lao động hạng Ba; Được công nhận Danh hiệu Chiến sĩ Thi đua Toàn quốc; Được tặng 3 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Nhân kỷ niệm lần thứ 76 ngày sinh của Nhật Hoàng và 20 năm Nhật Hoàng đăng quang, đã được ngài Mitsuo Sakaba – Đại sứ Nhật Bản tại Việt Nam trao tặng Bằng khen của Nhật Hoàng và Kỷ niệm chương ghi nhận sự đóng góp to lớn vào sự phát triển của mối quan hệ Nhật – Việt và trở thành doanh nhân duy nhất của Việt Nam từ trước tới nay vinh dự nhận được phần thưởng cao quý này; Được tặng nhiều Bằng khen của các Bộ, ngành, UBND các Tỉnh, Thành, các Tổ chức, Hiệp hội; Nhiều năm liền được công nhận là Chiến sĩ Thi đua cơ sở và được công nhận Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Tỉnh năm 2008.

Từ năm 2003 đến nay, liên tục giữ Danh hiệu Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu và Cúp Thánh Gióng; Được Đài Truyền hình Việt Nam chọn là Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu để mời phỏng vấn và phát sóng chương trình 30 phút trên VTV1; Được tin nhiệm bầu là Chủ tịch CLB Sao Vàng Đất Việt, Đồng Chủ tịch Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam - Nhật Bản (Diễn đàn do Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn thành lập), Phó Chủ tịch Hội Phát triển Hợp tác Kinh tế Việt Nam – Lào – Campuchia, được Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bổ nhiệm làm Thành viên chính thức Hội đồng Tư vấn Kinh doanh APEC (ABAC), được bổ nhiệm là thành viên Hội đồng Tư vấn cao cấp Chương trình Hành động hậu WTO của Chính phủ, và là thành viên tư vấn đối tác chiến lược trong Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF GCC Partner member advisory board).

#### **b. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh - Thành viên Hội đồng Quản trị**

Học vấn: Cử nhân kinh tế.

Chức vụ:

- Là Thành viên HĐQT Công ty từ năm 2014 đến nay.

Quá trình công tác :

- Từ năm 1992 đến 1994 : Làm việc ở Hãng Hàng không Pacific Airlines.

- Từ năm 1994 đến 2002 : Làm việc ở Hãng Hàng không Vietnam Airlines.

- Từ năm 2002 đến nay : Phó Tổng Giám Đốc Công Ty CP Du Lịch Sài Gòn.

#### **c. Bà Nguyễn Thị Sương - Thành viên Hội đồng Quản trị**

Học vấn: Cử nhân kinh tế.



Các chức vụ công tác hiện nay:

- Là Thành viên HĐQT Công ty CP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn – Mã CK: SGT
- TGĐ Công Ty CP Truyền Thông Sắc Màu Sài Gòn.

Quá trình công tác :

- Từ năm 1989 đến 1993 : Công Ty Lega 4 – Kế toán tổng hợp.
- Từ năm 1993 đến 2001 : Công Ty Visingpack – Kế toán công nợ và ngân hàng.
- Từ năm 2001 đến 2005 : Tập đoàn đầu tư công nghiệp Tân Tạo – Kế toán ngân hàng.
- Từ năm 2006 đến 2009 : Cty CP Đầu Tư & Công Nghiệp Tân Tạo – Kế toán Trưởng
- Từ năm 2008 đến 2011 : Cty CP Đầu Tư & CN Tân Tạo – Phó TGĐ Tài Chính
- Từ năm 2011 đến 2012 : Công Ty CP TM & DV Châu Mỹ -Phó Giám Đốc kiêm Kế toán trưởng.
- Từ năm 2013 đến nay : Công Ty CP Truyền thông Sắc Màu Sài Gòn -Tổng Giám Đốc.

#### **d. Bà Nguyễn Cẩm Phương – Thành viên Hội đồng Quản trị**

Học vấn: Cử nhân Luật, nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý điều hành tại các công ty trong nhiều lĩnh vực.

Chức vụ:

- Là Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 04/12/2012 đến nay.

#### **e. Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh – Thành viên Hội đồng Quản trị**

Học vấn: Cử nhân kinh tế.

Các chức vụ công tác hiện nay:

- Là Thành viên HĐQT Công ty CP Phân Phối Và Dịch Vụ SaigonTel.
- Là Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV SaigonTel

Quá trình công tác :

- Từ năm 2008 đến 2010 : Ngân Hàng TMCP Phương Tây – Nhân Viên.
- Từ năm 2010 đến 2011 : Công Ty CP Chứng Khoán TP.HCM – Nhân viên tư vấn.
- Từ năm 2011 đến 2013 : Ngân Hàng TMCP Phương Tây – Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp lớn.
- Từ 8/2013 đến 9/2014 : Ngân Hàng TMCP Nam Việt – Trưởng Phòng quan hệ khách



hàng

- Từ 12/2014 đến nay : Công ty CP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn – Phó Tổng Giám Đốc phụ trách tài chính.

- Bà hiện kiêm nhiệm nhiều vị trí tại các công ty trực thuộc Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn.

**Lý lịch trích ngang của Ban Tổng Giám đốc:**

**a. Bà Nguyễn Cẩm Phương – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc**

Xem phần HDQT

**b. Ông Vũ Ngọc Ánh - Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc**  
Học vấn: Kỹ sư Giao thông

Chức vụ:

- Là Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn

- Ông đồng thời cũng là Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn tại Bắc Ninh

**c. Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Quyền Kế Toán Kế Toán Trưởng**

Xem phần HDQT

**d. Ông Phạm Đức Tuấn – Phó Tổng Giám Đốc phụ trách khối Công Nghệ**  
Học vấn: Kỹ sư Giao thông

Chức vụ:

- Là Phó Tổng Giám Đốc phụ trách khối Công Nghệ tại Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn

Quá trình công tác :

- Từ 11/2002 đến 04/2003 : Giám đốc Kinh doanh – Khối khách hàng Ngân hàng cổ phần Công ty hệ thống thông tin FPT (FIS)

- Từ 06/2003 đến 08/2007 : Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Dịch vụ thẻ Smartlink

- Từ 08/2007 đến 02/2009 : Giám đốc Kinh doanh – Khối khách hàng tài chính ngân hàng (FSI) – Công ty TNHH Oracle Việt Nam

- Từ 03/2009 đến 07/2014 : Giám đốc kinh doanh Khối khách hàng tài chính ngân hàng (FSI) – Tập đoàn Dell Việt Nam

- Từ 08/2014 đến 02/2015 : Giám đốc Công ty Cổ phần Bluecom Việt Nam

**Lý lịch trích ngang của Ban Kiểm soát:**

**a. Ông Phan Anh Tuấn – Trưởng Ban Kiểm soát**

Học vấn: Cử nhân Kinh tế, có trên 14 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành kế toán, kiểm toán.

Chức vụ:

- Là Thành viên Ban Kiểm soát Công ty từ năm 2007.
- Hiện nay, Ông là Kế toán trưởng Công ty CP Phát triển Trường Đại học Hùng Vương.

**b. Bà Sú Ngọc Bích – Thành viên Ban Kiểm soát**

Học vấn: Cử nhân tài chính – kế toán.

Các chức vụ công tác hiện nay:

- Kế toán trưởng Công Ty CP ĐTXD & VLXD Sài Gòn.
- Kế toán trưởng Công Ty CP Năng Lượng Sài Gòn – Bình Định.

Quá trình công tác :

- Từ năm 1998 đến 1999 : Làm việc tại Công ty TNHH XD GT Đức Hạnh.
- Từ năm 1999 đến 2001 : Làm việc tại Công ty TNHH QC Hoàng Long.
- Từ năm 2001 đến 2004 : Làm việc tại Công ty CP Đầu Tư Ma san.
- Từ 7/2004 : Làm việc tại CTy CP ĐTXD & VLXD Sài Gòn.

**c. Bà Lê Thị Kim Nhung - Thành viên Ban Kiểm soát**

Học vấn: Cử nhân quản trị

Chức vụ:

- Là Thành viên Ban Kiểm soát Công ty từ năm 2015

Quá trình công tác :

- Từ năm 2001 đến 2006 : Trưởng phòng vé – Công ty TNHH Ngân Vũ
- Từ năm 2006 đến 2014 : Trưởng phòng vé – Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn.
- Từ năm 2014 đến 04/2015 : Chuyên viên HCNS – Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn.

## *2.2. Thay đổi thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát trong năm 2015*

Năm 2015, Công ty có sự thay đổi nhân sự Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng ban Kiểm soát như sau:

- Ngày 27/04/2015: Bà Nguyễn Thị Thu Hương xin từ nhiệm vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất bầu ông Lê Nguyễn Hoàng Anh giữ vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị.
- Ngày 27/04/2015: Ông Lê Chí Cường và bà Lê Thị Anh xin từ nhiệm vị trí Thành viên Ban Kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất bầu ông Phan Anh Tuấn và bà Lê Thị Kim Nhung vào vị trí Thành viên Ban Kiểm Soát.

## *2.3. Thay đổi thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng*

Năm 2015, Công ty có sự thay đổi nhân sự Thành viên Ban điều hành như sau:

- Ngày 25/05/2015, Hội đồng Quản trị đã thống nhất bổ nhiệm ông Phạm Đức Tuấn giữ vị trí Phó Tổng Giám Đốc khối Công Nghệ.
- Ngày 02/06/2015, Hội đồng Quản trị đã thống nhất bổ nhiệm ông Lê Nguyễn Hoàng Anh giữ chức vụ Quyền Kế Toán Trưởng.

## *2.4. Số lượng cán bộ, nhân viên. Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.*

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2015 là: 201 CB-NV, trong đó:

Số lượng CB - NV làm việc tại Văn phòng Công ty và Chi nhánh là: 158 CB-NV.

Số lượng CB - NV làm việc tại Công ty con là: 43 CB-NV.

### ***Chính sách tuyển dụng, đào tạo***

Trong quá trình hoạt động, sản xuất kinh doanh, Công ty luôn xem CB - NV là tài sản quý giá của doanh nghiệp, là một trong những nhân tố giúp doanh nghiệp phát triển cũng như đạt được các mục tiêu kinh doanh. Chính vì vậy, Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cụ thể như:

Phỏng vấn, đánh giá và lựa chọn nhân sự phù hợp với yêu cầu công việc. Bố trí nhân sự đúng người, đúng việc.

Thường xuyên tổ chức đào tạo và nâng cao kỹ năng, kiến thức cho CB - NV; Khuyến khích và tạo điều kiện cho CB - NV tham gia vào các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật và nội quy, quy định của Công ty trong suốt quá trình



làm việc.

Luôn lắng nghe ý kiến của các nhân viên, tạo môi trường làm việc thân thiện.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động, các sự kiện vui chơi tập thể nhằm tạo tinh thần đoàn kết, giao lưu học hỏi giữa các CB - NV với nhau.

### ***Chính sách lương, thưởng, phúc lợi***

Gắn liền với chính sách nhân sự của Công ty, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đặc biệt quan tâm đến chính sách lương, thưởng và các chế độ phúc lợi xã hội.

Hàng năm, Ban Lãnh đạo Công ty đều họp xét và đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình nhân sự, thành tích đóng góp của từng CB - NV để có những chính sách tăng lương, khen thưởng phù hợp và công bằng. Công ty cũng khen thưởng CB-NV nhân các ngày lễ lớn và thưởng theo năng suất công việc đạt được.

Về các chính sách lương, thưởng và phúc lợi xã hội, Công ty luôn tuân thủ theo những quy định của Pháp luật trong suốt quá trình vận hành. Mức lương cơ bản làm cơ sở để thực hiện các chế độ về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp Công ty áp dụng luôn cao hơn so với mức lương cơ bản mà Nhà nước quy định. Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động và trách nhiệm xã hội theo quy định của Pháp luật: thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp ngân sách (thuế, Bảo hiểm xã hội...).

Công ty tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB - NV. Đây là một chế độ phúc lợi đặc biệt đang được Pháp luật khuyến khích.

Tổ chức thăm khám sức khỏe định kỳ cho CB-NV hàng năm.

Tổ chức tham quan - nghỉ mát hằng năm cho CB-NV và gia đình hàng năm.

Tổ chức và tặng quà sinh nhật cho CB-NV.

Công ty phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cơ sở thường xuyên tổ chức thăm hỏi CB-NV gặp khó khăn, hiếu hỷ, ốm đau; tổ chức các hoạt động gắn kết tình đồng nghiệp giữa CB-NV với nhau...

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

#### **a) Các khoản đầu tư lớn:**

Tổng giá trị đầu tư của Công ty đến thời điểm cuối năm 2015 là 541.06 tỷ đồng.

#### **b) Các công ty con:**

- **Công ty CP Phân Phối và Dịch Vụ SaigonTel**

Giấy CNĐKKD số: 0313042600

cấp ngày: 06/12/2014

tại: TP.HCM

Địa chỉ: Tầng 4, số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại:

Fax:

Vốn điều lệ: 30 tỷ VNĐ, trong đó SAIGONTEL góp 70%

Lĩnh vực hoạt động chính: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

- **Công ty TNHH Một Thành Viên SaigonTel**

Giấy CNĐKKD số: 0106684254 cấp ngày: 06/11/2014 tại: TP. Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 3 – số 193. Đường Trích Sài, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Vốn điều lệ: 20 tỷ VNĐ, trong đó SAIGONTEL góp 100%

Lĩnh vực hoạt động chính: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

#### 4. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1,832,917,864,788	2,171,076,721,782	18.45%
Doanh thu thuần	221,066,176,392	539,807,721,247	144.18%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	24,642,694,397	27,642,694,397	12.17%
Lợi nhuận khác	7,446,195,856	472,480,091	-93.65%
Lợi nhuận trước thuế	32,088,890,253	28,276,055,197	-11.88%
Lợi nhuận sau thuế	28,656,864,000	22,331,754,860	-22.07%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

*b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Ghi chú</b>
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1.932	1.922	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1.782	1.582	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.7615	0.8257	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3.1928	4.7382	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	4.036	2.680	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.1206	0.2305	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.12963	0.0414	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a) Cổ phần:

Tính đến thời điểm 31/12/2015, Công ty đã phát hành và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh 74.001.914 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 74.001.604 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ Công ty mua lại: 310 cổ phần



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/DKGD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Đặng Thành Tâm	022756956	6/35D, Bình Khánh 3, Phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh	17,530,370	23.69%
2	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP	2300233993	Lô B7, Khu Công Nghiệp Quế Võ, Xã Phương Liễu, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	15,896,923	21.48%
3	Nguyễn Thị Kim Xuân	IS8955	69, Bà Huyện Thanh Quan, Hà Nội	7,452,178	10.07%
4	Phạm Thị Lê	025225563	371/17 Hai Bà Trưng, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	3,723,654	5.03%

Bảng: Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ 5% vốn cổ đông lớn trở lên

b) Cơ cấu cổ đông:

ST T	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI					
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	44,603,125	60.27%	4	1	3
	- Trong nước	37,150,947	50.20%	3	1	2
	- Nước ngoài	7,452,178	10.07%	1	-	1
4	Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	310	0.00%	1	1	
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)					
7	Cổ đông khác	29,398,479	39.73%	1,578	58	1,520
	- Trong nước	27,171,017	36.71%	1,415	44	1,371
	- Nước ngoài	2,227,462	3.02%	163	14	149
TỔNG CỘNG		74,001,914	100.00%	1,583	60	1,523

<i>Trong đó: - Trong nước</i>	<i>64,321,407</i>	<i>86.91%</i>	<i>1,419</i>	<i>46</i>	<i>1,373</i>
<i>- Nước ngoài</i>	<i>9,680,507</i>	<i>13.09%</i>	<i>164</i>	<i>14</i>	<i>150</i>

Bảng: Cơ cấu vốn cổ đông tại thời điểm ngày 18/03/2016

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2015, Công ty không phát hành thêm cổ phiếu, không tiến hành tăng vốn điều lệ.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Hiện tại Công ty chỉ có tổng cộng 310 cổ phiếu quỹ, toàn bộ số cổ phiếu này là cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình phát hành thêm cổ phiếu, được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ. Trong năm 2015, Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác:

Không có.

## **6. Báo cáo các tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### *6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:*

Công ty không tiến hành hoạt động sản xuất nên không có vấn đề về nguyên vật liệu

### *5.2. Tiêu thụ năng lượng:*

Việc sử dụng năng lượng của Công ty chỉ phục vụ cho hoạt động thường ngày tại các văn phòng và chỉ sử dụng năng lượng trong giờ làm việc, đảm bảo sử dụng hiệu quả và tiết kiệm.

### *5.3. Tiêu thụ nước:*

Công ty chỉ sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt bình thường và hiện chưa áp dụng các phương pháp tái chế, tái sử dụng nước.

### *5.4. Tuân thủ luật pháp về bảo vệ môi trường:*

Trong năm Công ty không bị xử lý vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

### *5.5. Chính sách liên quan đến người lao động*

Tổng số người lao động tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2016 là 201 người. Mức lương trung bình đối với người lao động là 10,318,000 đồng.

Công ty luôn đảm bảo duy trì thời gian làm việc theo đúng các quy định của pháp luật, đồng thời môi trường làm việc được trồng nhiều cây xanh cũng như các khoảng không nhằm tạo điều kiện thoải mái cho người lao động.

Ngoài ra, Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo và nâng cao kỹ năng, kiến thức cho CB - NV; Khuyến khích và tạo điều kiện cho CB - NV tham gia vào các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

### *5.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương*

Trong năm, Công ty có tham gia các hoạt động quyên góp ủng hộ đồng bào lũ lụt, hỗ trợ

người nghèo, xây dựng biển đảo theo các phong trào do Nhà nước và các tổ chức tình nguyện phát động.

Ngoài ra, với việc là chủ sở hữu của các khu công nghiệp trên khắp cả nước, công ty cũng đã tổ chức những chương trình Đồng hành cùng công nhân phối hợp với các đối tác của Công ty cũng như những nhân hàng tài trợ để đem đến những món quà có ý nghĩa cũng như tạo một môi trường tích cực cho người lao động.

#### *5.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN*

Trong năm 2015, Công ty chưa phát sinh hoạt động này.



### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

##### • Văn phòng Công ty

- Tổng doanh thu : 353.71 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 13.32 tỷ đồng

Trong năm 2015, Công ty vẫn khai thác tòa nhà Saigon ICT Tower tại Công viên Phần mềm Quang Trung (TP.HCM) với công suất sử dụng mặt bằng đạt 90%. Có thể thấy hoạt động của Ban quản lý tòa nhà ICT trong năm qua rất hiệu quả, trong 3 năm vừa qua liên tiếp đều nâng cao công suất sử dụng mặt bằng. Chính vì vậy, trong năm 2016 Công ty dự kiến sẽ đầu tư xây dựng Tòa nhà ICT 2 nhằm mở rộng hoạt động đối với mảng Kinh doanh tòa nhà.

Hoạt động kinh doanh Internet tốc độ cao ở các khu công nghiệp VSIP (Bình Dương) Quế Võ, Đại Đồng Hoàn Sơn (Bắc Ninh), Quang Châu (Bắc Giang) vẫn đang tiến triển tốt đẹp mặc dù có sự cạnh tranh gay gắt với các nhà cung cấp lớn như VNPT, Viettel,... Trong năm 2015, Bộ phận hạ tầng viễn thông của công ty tiếp tục triển khai đầu tư mạng cáp quang, mở rộng thêm hệ thống khách hàng ở khu vực miền Bắc như Hà Nội, Bắc Ninh,... ở KCN Quang Châu đẩy mạnh việc cung cấp các sản phẩm đa dịch vụ cho các doanh nghiệp lớn trong khu vực tiềm năng này, từng bước khẳng định nền tảng cho một công ty công nghệ với các thành quả đạt được như sau:

- Phát triển mới được 75 khách hàng mới với 128 kênh truyền tại Hà Nội và Bắc Ninh. Trong đó tại Hà Nội là 52 khách hàng mới và Bắc Ninh là 23 nâng tổng số khách hàng lũy kế trên toàn quốc lên 130 khách hàng
- Tăng cường chất lượng dịch vụ, giữ và phát triển được các KH tại các khu công nghiệp, mở rộng thêm việc cung cấp dịch vụ độc quyền tại GD 2 khu công nghiệp Trảng Duệ - Hải Phòng, tổng doanh thu tại 3 KCN đạt 3,388 tỷ đồng, nâng mức bình quân doanh thu năm 2014 ở mức 240 triệu/tháng lên mức 282 triệu đồng/tháng, tăng 12%.
- Sau 7 năm phát triển tại các KCN doanh thu mới đạt mức 250 triệu đồng/tháng nhưng sau 01 năm phát triển tại Hà Nội đã tạo ra được tập khách hàng và nguồn thu mới đạt 8,6 triệu đồng, chiếm 62% tổng doanh thu. Trong đó doanh thu đường truyền đạt 4,8 tỷ, chiếm 56%, còn lại doanh thu dịch vụ Trading và thi công công trình.
- Đa dạng hóa dịch vụ và tăng nguồn thu
- Xây dựng được hệ thống cung cấp dịch vụ

Đồng thời trong năm 2015, với việc mở rộng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực phân phối các sản phẩm viễn thông như dây cáp ống lồng, cáp đồng trục, dây nhảy và các thiết bị viễn thông cho Viettel và các công ty tại nước ngoài trực thuộc Viettel Global, doanh thu từ các hoạt động này đã đóng góp 60% trong tổng doanh thu của công ty. Với doanh

thu lớn và thời gian quay vòng vốn tương đối ngắn (chỉ khoảng 3 tháng/Hợp đồng), đây có thể xem là hoạt động vừa giúp Công ty xây dựng thương hiệu trên thị trường đồng thời cũng đem lại những kết quả khả quan cho kết quả kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, với sự phát triển của Công nghệ cũng như việc đời sống con người ngày càng được nâng cao, trong năm 2015 Công ty bắt đầu triển khai các dịch vụ trên nền tảng công nghệ hiện đại. Tiêu biểu là sự ra mắt của trang Duli.vn – trang thông tin điện tử cũng như diễn đàn về du lịch - vào ngày 28/10/2015 đánh dấu một sự phát triển của Công ty trong mảng nội dung số và sắp tới là thương mại điện tử trên nền tảng tập khách hàng và platform mà trang Duli.vn đã xây dựng được

Nhìn chung, trong năm 2015 hoạt động của Công ty đã có những bước khởi sắc hơn so với những năm trước, tập trung vào việc phát triển hạ tầng viễn thông làm nền tảng và mở rộng hoạt động thêm nhiều lĩnh vực về công nghệ.

- **Chi nhánh Bắc Ninh**

- Tổng doanh thu : 78.765 tỷ đồng

- Lợi nhuận trước thuế : 32.807 tỷ đồng

Trong năm 2015, hoạt động cho thuê đất dài hạn và cho thuê NX-VP là hai hoạt động chủ yếu, chiếm 91% tổng doanh thu của Chi nhánh. Tuy hoạt động cho thuê đất dài hạn có tỉ suất lợi nhuận cao dựa trên lợi thế giá vốn thấp nhưng quỹ đất của khu công nghiệp đang ngày càng thu hẹp. Do đó, trong thời gian chưa mở rộng thêm được quỹ đất, Chi nhánh tập trung khai thác quỹ đất theo hướng xây nhà xưởng văn phòng để cho thuê nhằm tạo dòng tiền hoạt động ổn định trong dài hạn và nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Hoạt động thu phí cơ sở hạ tầng và kinh doanh nước sạch chỉ chiếm khoảng 8% tổng doanh thu. Trong năm 2015, doanh thu của chi nhánh có phần giảm sút so với doanh thu của năm 2014, nguyên nhân là do:

- Hạ tầng Khu CN DDHS chưa được đầu tư hoàn thiện: đường N1, D4 (vướng mặt bằng); diện chiếu sáng (mới chỉ đầu tư tuyến đường D5), cây xanh cảnh quan, PCCC gần như chưa đầu tư.
- Các doanh nghiệp cấp rời không ký hợp đồng và đóng phí bảo dưỡng hạ tầng.
- Một số doanh nghiệp cấp rời có nhu cầu sử dụng nước lớn nhưng đã được tỉnh cấp phép khai thác nước ngầm có thời hạn. Nhu cầu sử dụng nước của các khách hàng còn lại không lớn và việc sử dụng nước bị hạn chế một phần do giá bán nước hiện tại ở mức cao.

Tuy nhiên, do trong năm việc quản lý chi phí được chi nhánh thực hiện tốt nên tỷ suất lợi nhuận / Doanh thu đạt 35% và đạt được 161% kế hoạch đã đề ra từ đầu năm.

## **2. Tình hình tài chính**

### *a) Tình hình tài sản*



TÀI SẢN	31/12/2015	31/12/2014	Biến động	
			(+ ; -)	(%)
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>1,446,781,598,704</b>	<b>1,006,356,175,961</b>	<b>440,425,422,743</b>	<b>43.76%</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	13,644,673,812	39,008,863,399	-25,364,189,587	-65.02%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Phải thu ngắn hạn	1,158,419,522,067	886,263,785,703	272,155,736,364	30.71%
Hàng tồn kho	254,448,499,465	77,457,654,293	176,990,845,172	228.50%
Tài sản ngắn hạn khác	20,268,903,360	3,625,872,566	16,643,030,794	459.01%
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>724,295,123,078</b>	<b>826,481,688,827</b>	<b>-102,186,565,749</b>	<b>-12.36%</b>
Tài sản cố định	63,815,889,963	31,751,067,854	32,064,822,109	100.99%
Bất động sản đầu tư	131,911,405,107	22,523,857,016	109,387,548,091	485.65%
Các khoản phải thu dài hạn	1,989,816,250	429,294,250	1,560,522,000	363.51%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	517,553,882,984	708,384,809,816	-190,830,926,832	-26.94%
Tài sản dở dang dài hạn	1,793,153,342	50,067,239,619	-48,274,086,277	-96.42%
Tài sản dài hạn khác	7,230,975,432	13,325,420,272	-6,094,444,840	-45.74%
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>2,171,076,721,782</b>	<b>1,832,837,864,788</b>	<b>338,238,856,994</b>	<b>18.45%</b>

Cơ cấu tài sản thay đổi đáng chú ý năm 2015:

- Tài sản dài hạn giảm 102,186,565,749 đồng (tương ứng 12.36%): nguyên nhân là do giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Đồng thời trong năm Công ty đã chuyển nhượng một phần cổ phiếu của các công ty bao gồm Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT), Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà Máy Điện Sài Gòn-Bình Thuận và thoái vốn hoàn toàn khỏi Công ty Cổ phần



Truyền Thông Sắc Màu Sài Gòn. Chính vì vậy, cho dù Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư tăng nhưng Tài sản dài hạn của Công ty trong năm vẫn giảm.

- Tài sản ngắn hạn tăng 440,425,422,743 đồng (tương ứng 43.67%): nguyên nhân chủ yếu của khoản tăng này là do các khoản phải thu ngắn hạn tăng so với năm 2014 là 272,155,736,364 đồng. Đồng thời, do trong năm 2015 Công ty đẩy mạnh hoạt động phân phối các sản phẩm viễn thông, đồng thời do hoạt động phân phối này dẫn đến Hàng tồn kho cũng tăng 176,990,845,172. Sở dĩ việc khoản phải thu và tồn kho tăng trong năm 2015 là do các hoạt động phân phối các sản phẩm cho nhóm công ty trực thuộc Viettel với công nợ 30 ngày.

b) Tình hình nợ phải trả

<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
<b>NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>544,532,984,558</b>	<b>351,386,003,485</b>
Vay và nợ ngắn hạn	175,244,117,580	71,073,410,576
Phải trả người bán	101,584,962,230	45,599,520,372
Người mua trả tiền trước	138,130,459,686	45,116,701,170
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7,632,994,225	2,563,339,184
Phải trả người lao động	-	23,565,109
Chi phí phải trả	58,458,000,294	147,368,989,279
Doanh thu chưa thực hiện	1,792,607,311	1,261,799,826
Các khoản phải trả, phải nộp khác	65,153,337,494	40,775,010,905
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-3,463,494,262	-2,396,332,936
<b>NỢ DÀI HẠN</b>	<b>1,167,050,282,329</b>	<b>1,044,370,161,268</b>
Vay và nợ dài hạn	624,207,441,612	665,689,222,469
Thuế thu nhập hoãn lại	27,175,800,014	27,337,259,004
Chi phí phải trả dài hạn	321,159,259,925	168,047,569,017
Phải trả dài hạn khác	194,507,780,778	183,296,110,778
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>1,711,583,266,887</b>	<b>1,395,756,164,753</b>

Cơ cấu nợ của năm 2015 không có biến động nhiều so với năm 2014, chủ yếu các khoản tăng là do hoạt động phải trả người bán và người mua trả trước từ hoạt động phân phối các sản phẩm viễn thông. Ban Tổng Giám Đốc Công ty đánh giá rằng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

- Phân chia lại các khối và bộ phận trong Công ty nhằm chuyên môn hóa việc thực hiện các công việc hàng ngày
- Cập nhật và điều chỉnh các biện pháp về quản lý nhân sự, thiết bị cũng như có các quy định nội bộ nhằm kiểm soát chặt chẽ chi phí.
- Ban hành các quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong nội bộ công ty. Đồng thời do trong năm các Công ty con bắt đầu hoạt động nên Công ty cũng ban hành các quy định báo cáo từ Công ty con lên Công ty mẹ.

### **4. Triển vọng phát triển trong tương lai**

#### **• Thuận lợi:**

Là thành viên của Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn (SGI) - một trong những tập đoàn công chúng đa ngành hàng đầu Việt Nam với tiềm lực tài chính mạnh mẽ cùng năng lực, uy tín quốc tế là một trong những thuận lợi đầu tiên của SAIGONTEL.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, SAIGONTEL luôn chứng tỏ tiềm lực phát triển mạnh mẽ và việc thực thi sứ mạng “Trở thành một doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực CNTT- viễn thông” như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong mọi phương châm, chiến lược và hành động của Công ty.

Với tầm nhìn xa trông rộng cùng sự nhanh nhạy nắm bắt thời cơ của Ban Lãnh đạo Công ty; sự phấn đấu, nỗ lực không ngừng của toàn thể CB-CNV cùng những nền tảng phát triển trong lĩnh vực viễn thông, CNTT và truyền thông, nhiều năm qua SAIGONTEL đã đạt được những thành tích đáng khích lệ như: Giải thưởng Quả cầu vàng năm 2008, 2009; giải thưởng Doanh nghiệp Vì cộng đồng 2009; “Thương hiệu kinh tế đối ngoại uy tín” 2009; giải thưởng Thương hiệu Chứng khoán uy tín năm 2009, 2010; Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR 500) nhiều năm liền; Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2010; giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2010, 2011; là 1 trong số 120 doanh nghiệp dẫn đầu Thương hiệu mạnh Việt Nam 2010, 2011... Đặc biệt, trong năm 2011, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty cũng đạt được một số giải thưởng như: Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu 2011, Thương hiệu mạnh, Sao Vàng đất Việt; giải thưởng “Ernst & Young - Bán lĩnh doanh nhân lập nghiệp” của ông Đặng Thành Tâm, CT HĐQT Công ty...

Một thuận lợi nữa là lĩnh vực, ngành nghề hoạt động mà Công ty theo đuổi luôn đạt được những kết quả nhất định như ngành CNTT, truyền thông vẫn giữ tốc độ tăng trưởng cao trong bối cảnh kinh tế khó khăn; Doanh thu ngành nội dung số của Việt Nam năm 2013 đạt khoảng 20,400 tỷ đồng và có tốc độ tăng trưởng hàng năm cao, hứa hẹn là một thị trường rất tiềm năng về tăng trưởng và sinh lợi cao... Đặc biệt, CNTT - Viễn thông cũng là ngành được Chính phủ tập trung phát triển theo tầm nhìn đến năm 2020.



- **Hạn chế:**

Do hoạt động của Công ty trải rộng trên nhiều ngành nghề nên nguồn lực bị phân tán. Đội ngũ nhân sự của Công ty chưa theo kịp tiến độ các dự án. Một số chính sách vĩ mô cũng ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, tình hình kinh tế chung cũng là một trong những khó khăn trong việc phát triển các dự án của Công ty.

Tuy nhiên trong năm 2015, Công ty đã tập trung nguồn lực vào các dự án cụ thể đặc biệt chú trọng vào mảng công nghệ viễn thông như là kim chỉ nam cho các hoạt động sắp tới của Công ty.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**

Không có

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Tại thời điểm 31/12/2015, vốn cổ đông thực góp là 740,019,140,000 đồng. Tổng tài sản cuối năm tài chính 2015 đạt 2,174 tỷ đồng, bằng 119% so với thời điểm 01/01/2015.

Tổng doanh thu năm 2015 của Công ty là 604.01 tỷ đồng, đạt 173% kế hoạch và tăng 1.80 lần so với năm 2014 đã cho thấy kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2015 đã có bước phát triển so với năm 2014. Đến cuối năm 2014, Lợi nhuận sau thuế của Công ty là 22,33 tỷ đồng, đạt 63.81% so với kế hoạch đề ra và bằng 77.93% so với kết quả năm 2014. Doanh thu năm 2015 có sự tăng trưởng tốt và đạt được kế hoạch đã đề ra, tuy nhiên lợi nhuận lại không được như mong đợi. Nguyên nhân là để đảm bảo số liệu trình bày trên báo cáo tài chính năm 2015 là trung thực, hợp lý thì Công ty đã trích lập dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi số tiền 35,8 tỷ, bên cạnh đó nền kinh tế thị trường trong năm vừa qua có dấu hiệu phục hồi nhưng chưa thực sự khởi sắc đã ảnh hưởng đến Công ty và các đối tác lớn trong và ngoài nước của SAIGONTEL.

Hoạt động của Công ty trong năm 2015 đã được thực hiện đúng định hướng, đúng kế hoạch, phù hợp với quan điểm và chủ trương của Hội đồng Quản trị và Đại hội Cổ đông đã đề ra trong các lĩnh vực hoạt động. Tuy nhiên, trong năm 2015 Công ty vẫn chưa đạt được chỉ tiêu tăng trưởng doanh số đề ra là do:

- Thứ nhất, để đảm bảo số liệu trình bày trên báo cáo tài chính năm 2015 là trung thực, hợp lý thì Công ty đã trích lập dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi số tiền 35,8 tỷ và dự phòng đầu tư tài chính dài hạn 23.5 tỷ



- Thứ hai, trong năm 2015, các công ty con của SAIGONTEL bắt đầu triển khai hoạt động và do trong giai đoạn đầu triển khai nên có nhiều chi phí phát sinh dẫn đến tổng chi phí trong năm tăng so với năm 2014
- Thứ ba, nền kinh tế thị trường trong năm vừa qua có dấu hiệu phục hồi nhưng chưa thực sự khởi sắc, bên cạnh sự biến động của tỷ giá trong thời gian vừa qua đã ảnh hưởng đến việc đàm phán và ký kết các Hợp đồng của Công ty và các đối tác lớn trong và ngoài nước của SAIGONTEL.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám Đốc công ty trong việc điều hành hoạt động và công tác quản lý nói chung. Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế thị trường, Ban Tổng Giám Đốc vẫn đưa Công ty hoạt động ổn định và bền vững. Ban Tổng Giám Đốc Công ty đã thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

### **a. Kế hoạch, định hướng năm 2016 khối văn phòng SAIGONTEL**

#### **➤ Bộ phận Hành chính - Nhân sự:**

Hoàn thiện hệ thống thang lương, bảng lương theo quy định của Pháp luật trên cơ sở đánh giá lại mức độ của từng vị trí công việc, đồng thời vận dụng các chính sách liên quan nhằm đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng.

Tiếp tục hoạt động tái cấu trúc nhân sự và đánh giá, chuẩn hóa vị trí nhân sự nhằm phát huy hiệu quả năng lực và trình độ của từng CB - NV.

Tiếp tục tổ chức các khóa học ngắn hạn bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ nhân sự kế thừa, huấn luyện chuyên môn nâng cao cho nhân sự theo yêu cầu của từng bộ phận.

Xây dựng các chương trình hoạt động nội bộ bên cạnh các hoạt động hướng ngoại nhằm đẩy mạnh tinh thần làm việc, đoàn kết giữa các nhân viên công ty thuộc các Phòng, Ban trong Công ty.

#### **➤ Bộ phận Marketing - Truyền thông:**

Xây dựng kế hoạch marketing để tiếp tục quảng bá thương hiệu SAIGONTEL.

Khảo sát và đánh giá thị trường để có định hướng chiến lược phù hợp, lâu dài và ổn định.

Triển khai các chương trình duy trì hình ảnh, thương hiệu qua các chương trình, sự kiện với nhiều hình thức phong phú như: tham gia các cuộc thi, bình chọn thương hiệu Công ty, thương hiệu sản phẩm nhằm khẳng định vị trí và uy tín của thương hiệu SAIGONTEL, tổ chức các sự kiện lớn cho các CB-NV, khách hàng...

Tổ chức thực hiện các kênh truyền thông hiệu quả, chi phí hợp lý.

Đẩy mạnh công tác truyền thông nội bộ, xây dựng văn hóa và tinh thần đoàn kết giữa các phòng ban trong Công ty thông qua các hoạt động, chương trình nội bộ...

#### ➤ **Bộ phận Tài chính:**

Điều hành hoạt động tài chính - kế toán theo quy định của pháp luật. Thực hiện tốt và đầy đủ các chức năng Kế toán Quản trị, Tài chính doanh nghiệp giúp Ban Điều hành quản lý chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

#### ➤ **Bộ phận Hạ Tầng Viễn thông:**

- **Trọng tâm thị trường:** tập trung vào khách hàng doanh nghiệp, tổ chức, đối tác, ưu tiên phát triển khách hàng trong các KCN do tập đoàn SGI đầu tư, quản lý.
- **Định hướng khách hàng:** bán thứ khách hàng cần, từng bước chủ động cung cấp dịch vụ kết hợp với bán lại dịch vụ, chú trọng về giải pháp và chăm sóc khách hàng.

Với các khách hàng lớn, tiềm năng và các khu vực tiềm năng được là đơn vị duy nhất triển khai hạ tầng bên trong sẽ đầu tư hạ tầng để phát triển khách hàng lâu dài, bền vững.

- **Định hướng dịch vụ:** bán gói dịch vụ tổng thể trong đó:
  - o Dịch vụ trọng tâm: Truy cập Internet băng thông rộng, Internet LeasedLine, kênh thuê riêng (nội hạt, liên tỉnh, quốc tế), kênh quang trắng P2P (Point to Point)
  - o Các dịch vụ kèm theo: Online Data Service (ODS); Tích hợp hệ thống SI; Media, Voice và các dịch vụ VAS khác; bảo trì, bảo dưỡng và thi công các công trình Viễn thông

#### ➤ **Bộ phận thương mại điện tử Duli.vn**

- Trong thời gian đầu ra mắt và tiếp cận thị trường, Duli.vn có mục đích chính là xây dựng tập khách hàng – đặt bước chân đầu tiên vào thị trường Thương mại điện tử.
- Chiến lược sản phẩm: xây dựng tính năng “planning trip” để giúp khách hàng nhanh chóng hoàn tất kế hoạch cho một chuyến đi với đầy đủ các dịch vụ kèm theo. Đây là tính năng khác biệt so với các đối thủ khác, cần được đặc biệt chú ý và phát triển.
- Bên cạnh phát triển tập khách hàng và xây dựng tính năng khác biệt là “planning trip”, Duli.vn còn có định hướng mở rộng kết nối với các đơn vị cung cấp dịch vụ (còn gọi là “merchant”) để đa dạng hóa kết nối cho Duli.vn. Cụ thể, merchant là hệ thống nhà hàng, khách sạn và các đơn vị vận chuyển hành khách.



± Giá trị của Duli.vn sẽ được khẳng định bởi khác biệt sản phẩm, tập khách hàng sở hữu và mạng lưới đối tác được kết nối, tích hợp vào hệ thống.

- Năm 2016, bộ phận Thương mại điện tử đặt ra các mục tiêu chính sau:

Tổng lượt truy cập	8,000,000
Tổng người dùng	70,000
Tổng merchant kết nối	100

b. Kế hoạch, định hướng năm 2015 của các Chi nhánh và Công ty thành viên

➤ **Chi nhánh Bắc Ninh:**

Năm 2016, Chi nhánh đặt ra 7 mục tiêu chính như sau:

- Cho thuê đất dài hạn: đạt diện tích khoảng 5ha với đơn giá tối thiểu là 68 USD/m<sup>2</sup>.
- Cho thuê nhà xưởng, văn phòng:
  - o Đến 31/3/2016: hoàn thành việc xây dựng 10 nhà xưởng lô H2-1, H2-2.
  - o Từ tháng 2 đến tháng 7/2016: tìm kiếm khách hàng phù hợp và cho thuê hết toàn bộ các nhà xưởng mới xây dựng tại lô H2-1 và H2-2 và 01 nhà xưởng cũ lô C6-1.
  - o Triển khai và hoàn thành xây dựng 6 nhà xưởng lô G để chuẩn bị nguồn hàng kinh doanh cho năm 2017.
- Tăng công suất khai thác và kinh doanh nước sạch, đảm bảo hoạt động kinh doanh nước sạch tối thiểu bù được khấu hao và chi phí quản lý vận hành.
- Đầu tư và hoàn thiện hạ tầng chiếu sáng, cảnh quan cây xanh trong khu công nghiệp nhằm tăng khả năng thu hút đầu tư và thu phí hạ tầng.
- Sử dụng tiền thu từ nguồn cho thuê đất dài hạn và cho thuê nhà xưởng để triển khai giai đoạn 2:
  - o Hoàn thành thủ tục pháp lý để triển khai giai đoạn 2;
  - o Tiến hành GPMB đạt 20ha/96ha;
  - o San lấp mặt bằng và đầu tư hạ tầng cho 5-10ha đã GPMB để chuẩn bị quy đất kinh doanh cho năm tiếp theo.
- Tái khởi động việc triển khai dự án Nam sông Hồng.
- Cân đối tài chính đảm bảo trả nợ gốc/lãi ngân hàng và đủ nguồn vốn đối ứng cho hoạt động đầu tư mới. Huy động vốn trung hạn với quy mô 100-150 tỷ đồng để triển khai giai đoạn 2.



### ➤ Công ty CP Phân Phối và Dịch Vụ SaigonTel

Trong năm 2016, Công ty CP Phân phối và Dịch vụ Saigontel đặt ra các mục tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu năm 2016 dự kiến đạt: 230 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 10,2 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu trung bình là 44%.
- Nguồn vốn thực hiện kế hoạch là 100 tỷ đồng, trong đó vốn tự có là 24 tỷ đồng, phần còn lại là vốn vay ngân hàng và huy động từ các nguồn khác.
- Kế hoạch trong năm 2016, SDJ sẽ phát triển kênh phân phối với hơn 100 khách hàng doanh nghiệp trên lãnh thổ cả nước. Nâng tầm thương hiệu và uy tín của SDJ ra thị trường VN và thế giới.
- Phát triển mảng kinh doanh IT và giành được các hợp đồng phân phối thương hiệu lớn trên thế giới như: HP, ASUS, DELL, Fujitsu, WD, LG, Intel, Brother, Philips, Toshiba ...
- Bên cạnh đó phát triển mảng kinh doanh dự án dự kiến đạt 400 tỷ đồng.

### ➤ Công ty TNHH Một Thành Viên SaigonTel

Năm 2016, cùng với sự thành lập của MTV miền Nam, kế hoạch kinh doanh của MTV đề ra bao gồm các hoạt động sau:

- Miền Bắc
  - Duy trì hoạt động cung cấp các sản phẩm viễn thông theo hình thức từng dự án, tham gia thầu với các đối tác truyền thống như Viettel, Bộ Công an,...
  - Bắt đầu mở rộng hoạt động kinh doanh với các đối tác tiềm năng mới như: VNPT, Mobifone, SCTV.... để đa dạng hoá các sản phẩm cũng như tránh tình trạng phụ thuộc quá nhiều vào đối tác lớn như Viettel
- Miền Nam
  - Bắt đầu thành lập chi nhánh của MTV tại miền Nam để triển khai các hoạt động tại miền Nam
  - Tập trung phát triển các dịch vụ viễn thông và truyền thông bên cạnh việc cung cấp các sản phẩm đơn thuần.
  - Hoạt động tại Chi nhánh miền Nam bao gồm 3 mảng chính là Dịch vụ hạ tầng, Dịch vụ quảng cáo, Phân phối bán lẻ sản phẩm viễn thông và một số các dự án khác

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị SGT tại thời điểm 31/12/2015 như sau:

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	TV HĐQT ĐỘC LẬP	TV HĐQT KHÔNG ĐIỀU HÀNH	TV HĐQT ĐIỀU HÀNH	GHI CHÚ
1	Ông Đặng Thành Tâm	Chủ tịch HĐQT		x		Cổ đông lớn của Công ty kiêm Chủ tịch HĐQT của Công ty liên kết (*)
2	Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Thành viên HĐQT	x	x		Cổ đông công ty với tư cách cá nhân
3	Bà Nguyễn Thị Sương	Thành viên HĐQT	x	x		Cổ đông công ty với tư cách cá nhân
4	Bà Nguyễn Cẩm Phương	Thành viên HĐQT			x	Tổng Giám Đốc
5	Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên HĐQT	x		x	Phó Tổng Giám Đốc Tài chính kiêm Quyền Kế toán trưởng

(\*) Ông Đặng Thành Tâm hiện là Chủ tịch HĐQT của Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hiện nay Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Tại các cuộc họp định kỳ hàng quý, HĐQT chỉ ban hành Nghị quyết đối với các vấn đề cần thiết, đối với những cuộc họp định kỳ thông thường chỉ có Biên bản họp HĐQT. Sau đây là một số những Nghị quyết, Quyết định quan trọng đã được ban hành trong năm 2015:



STT	Số nghị quyết/quyết định	Ngày họp	Nội dung
01	0503/2015/QĐ-HDQT	05/03/2015	V/v xin giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán : ví điện tử từ ngân hàng nhà nước
02	23/2015/QĐ-HDQT	12/04/2015	V/v tổ chức Đại hội cổ đông
03	2505/2015/QĐ-HDQT	25/05/2015	V/v bổ nhiệm ông Phạm Đức Tuấn giữ chức vụ Phó TGD - Phụ trách khối Công Nghệ của Công ty.
04	15/2015/QĐ-HDQT	02/06/2015	Bổ nhiệm ông Lê Nguyễn Hoàng Anh kiêm nhiệm quyền Kế toán trưởng thay thế ông Vũ Quốc Huân xin từ nhiệm kể từ ngày 03/06/2015
05	27/2015/QĐ-HDQT	16/06/2015	V/v thay đổi đại diện phần vốn góp và thành viên HĐQT của Cty TNHH MTV Saigontel
06	28/2015/QĐ-HDQT	25/09/2015	Bãi nhiệm và bổ nhiệm kế toán trưởng CN SAIGONTEL tại Bắc Ninh
07	29/2015/QĐ-HDQT	02/12/2015	Ban hành quyền hạn, trách nhiệm của Tổng Giám đốc SAIGONTEL
08	30/2015/QĐ-HDQT	02/12/2015	Ban hành quyền hạn, trách nhiệm của Giám đốc Chi nhánh SAIGONTEL tại Bắc Ninh
09	31/2015/QĐ-HDQT	03/12/2015	Bổ sung ngành nghề cho Công ty TNHH MTV SAIGONTEL do SAIGONTEL làm chủ sở hữu
10	34/2015/QĐ-HDQT	30/12/2015	Nhận chuyển nhượng cổ phần ( Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà máy Điện Sài Gòn – Bình Thuận và Công ty cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn Thông Sài Gòn)

*d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.*

Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành vẫn duy trì chế độ họp thường kỳ cùng các chế độ báo cáo bằng văn bản, bằng dữ liệu điện tử và trực tiếp khác. Các thành viên HĐQT không điều hành đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác điều hành chỉ đạo kịp thời đối với Ban lãnh đạo Công ty.

*e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:*

Hiện nay Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

*f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.*

Không có.



## 2. Ban Kiểm soát

### a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu
1	Ông Phan Anh Tuấn	Thành viên	7
2	Bà Sứ Ngọc Bích	Thành viên	
3	Bà Lê Thị Kim Nhung	Thành viên	1,392,817

### b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ các quy định trong Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đã tiến hành họp 03 lần, đã phân công cho các thành viên theo dõi, giám sát việc thực hiện từng mặt công tác theo các lĩnh vực hoạt động và điều hành của HĐQT, ban Tổng Giám Đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh, các quy chế, quy trình, nghị quyết và quyết định.

Tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2014.

Theo dõi tình hình qua các Nghị quyết, quyết định, kiểm soát việc ban hành và thực hiện các quy chế hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, quy trình nghiệp vụ của Công ty và các đơn vị thành viên.

Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty đối với HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và người quản lý trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh hàng quý của các phòng ban để kịp thời cập nhật thông tin cho công tác kiểm soát.

Giám sát việc báo cáo, thực thi các kết luận sau thanh tra thuế và tài chính trong năm, nhằm đảm bảo công tác tài chính kế toán của Tập đoàn và các CTTV hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

### a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Năm 2015, các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát không nhận thù lao, phụ cấp từ Công ty.

### b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không có

### c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có

### d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Tổng Giám Đốc và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành.

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán

*“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất”.*

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Liên quan đến báo cáo tài chính năm 2015, Công ty có làm công văn giải trình số liệu BCTC của Công ty mẹ được xác nhận của kiểm toán, với các nội dung cơ bản như sau :

- Giải trình chênh lệch số liệu BCTC năm 2014 của Công ty Mẹ trước và sau kiểm toán.
- Trình bày bổ sung thông tin thuyết minh trên BCTC Công ty Mẹ kiểm toán năm 2014

Đính kèm Công văn giải trình số 20/2016/CV-SGT cùng với Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Mẹ đã kiểm toán được đăng tải trên website của công ty tại địa chỉ : <http://saigontel.vn/vi/bai-viet/bao-cao-tai-chinh-hop-nhat-kiem-toan-nam-2015>

Xác nhận của đại diện theo pháp luật  
của Công ty



*Nguyễn Cẩm Phương*



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG  
SÀI GÒN**



# MỤC LỤC

----- oOo -----

---

	Trang
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	01-04
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	05
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	06-07
4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	08-39

---



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/03/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,411,268,826,029</b>	<b>1,446,781,598,704</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>16,477,832,417</b>	<b>13,644,673,812</b>
1. Tiền	111		15,977,832,417	13,644,673,812
2. Các khoản tương đương tiền	112		500,000,000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,141,806,723,622</b>	<b>1,158,419,522,067</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	367,143,169,351	400,447,325,141
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3a	45,287,270,754	27,741,694,063
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	824,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	759,671,266,376	765,224,485,721
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.2,4	(30,295,321,831)	(35,818,321,830)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		338,972	338,972
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>234,284,370,017</b>	<b>254,448,499,465</b>
1. Hàng tồn kho	141		234,284,370,017	254,448,499,465
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18,699,899,973</b>	<b>20,268,903,360</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	734,260,826	442,304,759
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.15	16,053,891,539	18,680,021,226
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	1,911,747,608	1,118,153,375
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	28,424,000

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>717,308,687,131</b>	<b>724,295,123,078</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2,426,641,220</b>	<b>1,989,816,250</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	2,426,641,220	1,989,816,250
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>64,048,884,423</b>	<b>63,815,889,963</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	63,989,074,977	63,752,629,971
- Nguyên giá	222		86,917,616,214	85,231,629,851
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.928,541,237)	(21,478,999,880)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		59,809,446	63,259,992
- Nguyên giá	228		69,010,900	69,010,900
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9,201,454)	(5,750,908)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.9</b>	<b>129,418,027,419</b>	<b>131,911,405,107</b>
- Nguyên giá	231		148,455,242,674	148,455,242,674
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(19,037,215,255)	(16,543,837,567)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.10</b>	<b>1,793,153,342</b>	<b>1,793,153,342</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1,793,153,342	1,793,153,342
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.11</b>	<b>513,186,882,984</b>	<b>517,553,882,984</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		536,697,645,776	541,064,645,776
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(23,510,762,792)	(23,510,762,792)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6,435,097,743</b>	<b>7,230,975,432</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	6,435,097,743	7,230,975,432
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2,128,577,513,160</b>	<b>2,171,076,721,782</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NIẾT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,665,117,469,350</b>	<b>1,711,583,266,887</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>499,323,205,466</b>	<b>544,532,984,558</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.13	26,364,344,137	101,584,962,230
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	157,144,092,011	138,130,459,686
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	7,363,704,458	7,632,994,225
4. Phải trả người lao động	314		542,548,365	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16a	60,763,185,608	58,458,000,294
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	719,261,101	1,792,607,311
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	63,242,995,300	65,153,337,494
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	186,646,568,748	175,244,117,580
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(3,463,494,262)	(3,463,494,262)
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1,165,794,263,884</b>	<b>1,167,050,282,329</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.16b	333,664,953,501	321,159,259,925
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	194,552,780,778	194,507,780,778
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	610,562,188,582	624,207,441,612
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	27,014,341,024	27,175,800,014
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>463,460,043,810</b>	<b>459,493,454,895</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>463,460,043,810</b>	<b>459,493,454,895</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		740,019,140,000	740,019,140,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		740,019,140,000	740,019,140,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3,100,000)	(3,100,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		2,746,071	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(276,558,742,261)	(280,522,585,105)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trư	421a		(280,522,585,105)	(302,854,339,965)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3,963,842,844	22,331,754,860
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2,128,577,513,160</b>	<b>2,171,076,721,782</b>

TP. HCM, ngày 31 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu



Cao Nữ Ngọc Dung

Q. Kế toán trưởng



Lê Nguyễn Hoàng Anh

Tổng Giám đốc  
  
 Nguyễn Cẩm Phương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2016	Quý 1/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	94,970,386,547	77,451,302,854
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1,465,627,155	41,454,546
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	93,504,759,392	77,409,848,308
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	69,654,822,922	72,890,002,082
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>23,849,936,470</b>	<b>4,519,846,226</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	2,171,728,166	32,101,547,504
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	16,076,088,921	19,126,859,145
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16,076,088,921	19,123,974,473
8. Chi phí bán hàng	25		1,686,454,827	1,129,909,815
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	3,776,901,404	7,048,287,012
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>4,482,219,484</b>	<b>9,316,337,758</b>
11. Thu nhập khác	31		291,436,801	578,987,091
12. Chi phí khác	32		591,083,820	37,234,503
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(299,647,019)</b>	<b>541,752,588</b>
<b>14. Lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>		-	-
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)</b>	<b>50</b>		<b>4,182,572,465</b>	<b>9,858,090,346</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	380,188,611	295,650,742
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(161,458,990)	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>3,963,842,844</b>	<b>9,562,439,603</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		3,963,842,844	9,766,922,716
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	(204,483,113)
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.9</b>	<b>54</b>	<b>129</b>
<b>22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>VI.10</b>	-	-

TP. HCM, ngày 21 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu



Q. Kế toán trưởng



TP. HCM, ngày 21 tháng 04 năm 2016




Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 5



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2016	Quý 1/2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4,182,572,465	9,858,090,346
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.11-14	3,946,369,591	2,878,286,609
- Các khoản dự phòng	03		(5,522,999,999)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2,171,728,166)	(31,959,870,000)
- Chi phí lãi vay	06	VI.6	16,076,088,921	19,123,974,473
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		16,510,302,812	(99,518,572)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		23,559,932,928	21,910,998,860
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		20,164,129,448	(101,709,266,033)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(57,422,674,061)	115,855,069,190
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		392,398,178	3,064,357,788
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3,095,140,156)	(3,247,288,125)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(88,832,426,158)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(18,548,573,854)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>108,949,148</b>	<b>(71,606,646,905)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(1,685,986,363)	(23,931,194,672)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4,367,000,000	99,789,250,000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		345,997,681	1,867,797,504
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>3,027,011,318</b>	<b>77,725,852,832</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	82,856,017,078	16,471,634,453
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(83,158,818,940)	(38,991,567,165)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(302,801,862)</b>	<b>(22,519,932,712)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>2,833,158,604</b>	<b>(16,400,726,785)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>13,644,673,812</b>	<b>39,088,863,399</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>16,477,832,417</b>	<b>22,688,136,614</b>

TP. HCM, ngày 21 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu



Cao Nữ Ngọc Dung

Q. Kế toán trưởng



Lê Nguyễn Hoàng Anh



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập:**

Công ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302615063, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 05 năm 2002 (đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 14, ngày 17 tháng 06 năm 2015) do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

**Tên tiếng anh:** Saigon Telecommunication & Technologies Corporation

**Tên viết tắt:** SGT.

**Trụ sở chính:** Lô 46 Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

**2. Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.****3. Hoạt động chính của Công ty: Đầu tư, kinh doanh thương mại, xây dựng, thiết kế, tư vấn và dịch vụ.****4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất: không có.****6. Cấu trúc doanh nghiệp****6.1. Các công ty con quan trọng được hợp nhất:**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp được hợp nhất như sau:

Tên Công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Saigontel	Bán buôn và sản xuất thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	20.000.000.000	100%	100%
Công ty Cổ phần Phân phối và Dịch vụ Saigontel	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	30.000.000.000	70%	70%

- Tính đến thời điểm 31/03/2016, SGT đã thực hiện góp vốn vào các công ty con như sau:

Tên Công ty	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Saigontel	20.000.000.000	20.000.000.000	100%	100%
Công ty Cổ phần Phân phối và Dịch vụ Saigontel (*)	30.000.000.000	7.500.000.000	25%	70%

(\*) Khoản vốn góp còn thiếu so với vốn điều lệ của SGT sẽ thực hiện góp đủ vào quý 2/2016.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**6.2. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập****Chi nhánh Bắc Ninh**

Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 21.13.000043 ngày 09 tháng 09 năm 2004 (đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 27 tháng 07 năm 2007) do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Trụ sở hoạt động của Chi nhánh: Khu Công Nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, Bắc Ninh.

Lĩnh vực kinh doanh: Đầu tư, kinh doanh thương mại, xây dựng, thiết kế, tư vấn và dịch vụ.

Hoạt động chính của Chi nhánh:

Mua bán máy vi tính, thiết bị điện - điện tử, vật tư - thiết bị bưu chính viễn thông. Mua bán, lắp đặt vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin. Tư vấn kỹ thuật ngành tin học. Thiết kế, lắp đặt hệ thống mạng máy tính. Sản xuất, mua bán phần mềm. Dịch vụ tin học: lắp đặt, sửa chữa, bảo trì máy tính. Sản xuất CD - VCD (có nội dung được phép lưu hành và chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).

Đào tạo dạy nghề (chỉ hoạt động khi được cấp phép theo quy định của pháp luật). Đại lý cung cấp dịch vụ Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông. Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp. Tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật. Dịch vụ chuyển giao công nghệ. Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi, công trình điện đến 35KV. Dịch vụ giao nhận hàng hoá, cho thuê kho bãi. Kinh doanh nhà, xưởng (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê). Đầu tư, xây dựng, kinh doanh khu vui chơi giải trí.

**8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Các công ty con là Công ty TNHH MTV Saigontel được thành lập vào ngày 06/11/2014, Công ty Cổ phần Phân phối và Dịch vụ Saigontel được thành lập vào ngày 06/12/2014 nên niên độ kế toán của các công ty này tính từ ngày thành lập đến ngày 31/12/2015.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành cùng ngày hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền hợp nhất của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính" và chuẩn mực kế toán số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con".



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn và các Công ty con cho kỳ kế toán ngày 31 tháng 03 năm 2016.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các Công ty con.

Các báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

**Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế**

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân Đội. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/03/2016: 22.450 VND/USD

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

**Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán**

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động

**3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế dùng để chiết khấu dòng tiền**

Lãi suất thực tế dùng để chiết khấu dòng tiền đối với các khoản mục được ghi nhận theo giá trị hiện tại, giá trị phần lỗ, giá trị thu hồi... được xác định căn cứ theo lãi suất thị trường.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

**Tiền** bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản **tương đương tiền** bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng (tồn thất) được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tồn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

**7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng khu công nghiệp.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sau phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):****8.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

**8.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>05 - 25 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>05 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>03 - 15 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>04 - 05 năm</i>

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:**

**Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư:** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên giá của bất động sản đầu tư:** Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như: phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, thuế trước bạ, các chi phí liên quan khác.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá thành thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư:** khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy Bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Công ty đánh giá giảm nguyên giá Bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán.

**Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau:**

Nhà xưởng

10 năm

Quyền sử dụng đất

44 năm

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm: bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản; công cụ dụng cụ; chi phí nhận chuyển nhượng kênh phân phối, chi phí dự án telecom và chi phí phát sinh trong quá trình nghiên cứu của các dự án khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ tăng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

**12. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

**14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trọng kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

**Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ:** Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi tiền vay; chi phí tạm tính giá vốn hoạt động cho thuê đất ... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận...

Đối với hoạt động cho thuê đất: chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng và ước tính hợp lý về giá vốn của hoạt động cho thuê lại đất trong kỳ. Giá vốn hoạt động cho thuê lại đất được tính toán dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã phục vụ cho hoạt động cho thuê lại đất trong kỳ như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá vốn hoạt động} & & \text{Diện tích đất} & & \text{Giá vốn 1 m}^2 \text{ đất} & & \text{Tỷ lệ \% ghi nhận doanh thu trong kỳ} \\ \text{cho thuê đất} & = & \text{cho thuê trong kỳ} & \times & \text{cho thuê theo} & \times & \text{so với tổng giá trị thực hiện hợp đồng} \\ & & & & \text{dự toán đầu tư} & & \end{array}$$

Trong đó, đơn giá dự toán đất cho thuê KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn là 416.685 đ/m<sup>2</sup> diện tích đất thương phẩm.

**16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản tại Tòa nhà Saigontel Tower, Lô 46 Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh và cho thuê nhà xưởng tại KCN Đại Đồng Hoàn Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

**17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.**

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối; được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh đo áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**18. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chuyển giao đất, cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng và cho thuê văn phòng nhà xưởng:**

Công ty áp dụng phương pháp ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi (hồi năm đồng thời 4 điều kiện: 1. Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức; 2. Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản; 3. Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; 4. Ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (thanh lý các khoản đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hoạt động cho thuê đất, cho thuê nhà xưởng; sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

**21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, lỗ do thanh lý các khoản đầu tư...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phân ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế (thu nhập doanh nghiệp hoãn lại) là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản (thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả) khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế (đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần).

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

*Đối với Văn phòng Công ty CP Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (Công ty mẹ)*

- Đối với hoạt động kinh doanh phần mềm tại văn phòng công ty thì thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm (kể từ năm 2002 đến năm 2016), sau thời gian ưu đãi áp dụng theo thuế suất phổ thông.

*Đối với Chi nhánh Bắc Ninh - Công ty CP Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (Công ty mẹ)*

- Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 10% thu nhập chịu thuế trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2004 đến 2018, thời gian sau ưu đãi áp dụng thuế suất phổ thông. Đối với hoạt động khác có mức thuế suất là 22%.

- Chi nhánh được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 (bốn) năm kể từ năm 2004 đến năm 2007 và giảm 50% (năm mươi phần trăm) thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 (chín) năm kể từ năm 2008 đến năm 2016.

- Đối với hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng tại Chi nhánh Bắc Ninh (do Chi nhánh kinh doanh ngành nghề "Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao"): Thuế suất (thuế TNDN) là 10% cho 15 năm từ khi dự án đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006 đến năm 2020), sau thời gian này thuế suất (thuế TNDN) là 22%. Chi nhánh được miễn thuế TNDN trong vòng 4 (bốn) năm (từ năm 2006 đến năm 2009), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 9 (chín) năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018).

Đối với hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng, các năm trước Chi nhánh tính thuế TNDN theo tổng thu nhập chịu thuế được ghi nhận phương pháp xác định doanh thu là toàn bộ số tiền bên thuế trả trước cho nhiều năm. Từ năm 2012, căn cứ theo Biên bản Quyết toán thuế tại Chi nhánh ký ngày 14/12/2012, Chi nhánh tính thuế TNDN hiện hành theo thu nhập chịu thuế phân bổ cho số năm trả tiền trước.

- Chi phí thuế TNDN của các năm còn lại (chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN năm hiện hành với chi phí thuế được tính thuế TNDN theo tổng thu nhập chịu thuế được ghi nhận theo phương pháp xác định doanh thu là toàn bộ số tiền bên thuế trả trước cho nhiều năm) được hạch toán vào chi phí thuế TNDN hoãn lại của năm hiện hành.

- Thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng của các năm 2009 đến năm 2011 cũng được tính theo thu nhập chịu thuế phân bổ cho số năm trả tiền trước và được hạch toán vào tài khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả.

- Đối với hoạt động kinh doanh nhà xưởng tại Chi nhánh Bắc Ninh: Thuế suất (thuế TNDN) là 15% cho 12 năm từ khi dự án đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006 đến năm 2017), sau thời gian này thuế suất (thuế TNDN) là 20%. Chi nhánh được miễn thuế TNDN trong vòng 3 (ba) năm (từ năm 2006 đến năm 2008), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 7 (bảy) năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2015).

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con là Công ty TNHH MTV Saigontel và Công ty CP Phần phối và Dịch vụ Saigontel trong kỳ là 22%.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**23. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**24. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/03/2016		01/01/2016	
	Tiền			
Tiền	15,977,832,416		13,644,673,812	
Tiền mặt	375,380,252		460,051,181	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15,602,452,165		13,184,622,632	
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>500,000,000</b>		-	
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng (hoặc dưới 3 tháng)	500,000,000		-	
<b>Cộng</b>	<b>16,477,832,416</b>		<b>13,644,673,812</b>	
2. Phải thu của khách hàng	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	367,143,169,351	(4,002,321,831)	400,447,325,141	(9,525,321,830)
Khách hàng trong nước	367,143,169,351	(4,002,321,831)	396,379,650,051	(9,525,321,830)
+ Công ty CP OTC VN	29,486,782,348	-	29,486,782,348	-
+ Công ty CP Bluecom VN	9,006,220,595	-	22,080,510,595	-
+ Tổng công ty CP Dầu Tư Quốc Tế Viettel	11,476,826,900	-	59,684,203,200	-
+ Công ty CP Khoáng Sản Sài Gòn Quy Nhơn	199,750,000,000	-	199,750,000,000	-
+ CTCP Quản lý Đầu tư Chuyên nghiệp	20,000,000,000	-	20,000,000,000	-
+ Các đối tượng khác	143,039,951,099	(4,002,321,831)	65,378,153,908	(9,525,321,830)
Khách hàng nước ngoài	-	-	4,067,675,090	-
+ Các đối tượng khác	-	-	4,067,675,090	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>367,143,169,351</b>	<b>(4,002,321,831)</b>	<b>400,447,325,141</b>	<b>(9,525,321,830)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

Công ty CP Dịch Vụ Kinh Bắc	3,856,580,624	-	3,926,086,125	-
Công ty Cp Khoáng Sản Sài Gòn Quy Nhơn	199,750,000,000	-	199,750,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>203,606,580,624</b>	<b>-</b>	<b>203,676,086,125</b>	<b>-</b>

**3. Trả trước cho người bán**

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>45,287,270,754</b>	<b>-</b>	<b>27,741,694,063</b>	<b>-</b>
Nhà cung cấp trong nước	40,970,583,628	-	23,364,502,741	-
+ Công ty TNHH SXTMDV Viễn Đông	2,179,610,431	-	2,179,610,431	-
+ Công ty TNHH TMTV Công Nghệ Nội Dung Thời Gian	4,000,000,000	-	4,000,000,000	-
+ Công ty CP Kết Cấu Thép Xây Dựng Hà Nội	4,902,166,901	-	5,040,494,701	-
+ Công ty TNHH Ta Ta Ti	-	-	-	-
+ Các đối tượng khác	29,888,806,296	-	12,144,397,609	-
Nhà cung cấp nước ngoài	4,316,687,126	-	4,377,191,322	-
+ Shenzhen Newdell Science & Technology Co. Ltd	1,254,650,000	-	1,254,650,000	-
+ Pravis Systems	675,300,000	-	675,300,000	-
+ Các đối tượng khác	1,044,649,825	-	123,754,635	-
+ Các đối tượng khác	2,386,737,126	-	2,417,241,322	-
<b>Cộng</b>	<b>45,287,270,754</b>	<b>-</b>	<b>27,741,694,063</b>	<b>-</b>

**b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan**

+ Công ty Cổ Phần Xây Dựng Sài Gòn Kinh Bắc	691,162,780	-	691,162,780	-
+ CTCP Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc	205,463,700	-	251,829,700	-
- CTCP KCN Sài Gòn - Bắc Giang	1,010,397,285	-	599,794,964	-
<b>Cộng</b>	<b>1,907,023,765</b>	<b>-</b>	<b>1,542,787,444</b>	<b>-</b>

**4. Phải thu khác**

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>759,671,266,376</b>	<b>(26,293,000,000)</b>	<b>765,224,485,721</b>	<b>(26,293,000,000)</b>
Ký cược, ký quỹ	1,645,246,532	-	13,964,813,549	-
+ Ký quỹ tại các đối tượng khác	5,000,000	-	5,000,000	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tạm ứng	4,665,924,134	-	4,232,466,983	-
Phải thu khác	753,360,095,710	(26,293,000,000)	747,027,205,189	(26,293,000,000)
(1) + Công ty Kinh doanh Hàng Thời trang Việt Nam	120,000,000,000	-	120,000,000,000	-
(2) + Tổng Công ty Truyền thông đa phương tiện - VTC	31,690,000,000	(22,183,000,000)	31,690,000,000	(22,183,000,000)
(3) + CTCP Dịch vụ Kinh Bắc	388,200,000,000	(4,110,000,000)	388,200,000,000	(4,110,000,000)
(4) + Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	54,172,800,000	-	54,172,800,000	-
(5) + Công ty CP Cơ Điện Tử - Tin Học Cholimes	31,250,000,000	-	31,250,000,000	-
(6) + Công ty CP TN Global	75,200,000,000	-	75,200,000,000	-
+ Kinh phí công đoàn	26,077,650	-	34,468,890	-
+ CTCF Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc	4,416,574,667	-	4,416,574,667	-
+ Ban Giải phóng mặt bằng Huyện Đan Phượng	3,919,091,328	-	3,919,091,328	-
+ Triệu Thị Duyên (7)	34,600,000,000	-	34,600,000,000	-
+ Các đối tượng khác	9,885,552,065	-	3,544,270,304	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>2,426,641,220</b>	<b>-</b>	<b>1,989,816,250</b>	<b>-</b>
Ký quỹ, ký cược	2,426,641,220	-	1,989,816,250	-
+ Taxi Mai Linh	10,000,000	-	10,000,000	-
+ Cty CP Đầu tư và Thương mại Kinh Bắc	100,000,000	-	100,000,000	-
+ Cty CP Đầu tư và Dịch vụ Thăng Long	220,932,000	-	220,932,000	-
+ Cty LD KCN Việt Nam - Singapore	38,198,250	-	38,198,250	-
+ Cty CP TN Global	1,500,000,000	-	1,500,000,000	-
+ Các đối tượng khác	557,510,970	-	120,686,000	-
<b>Cộng</b>	<b>762,097,907,596</b>	<b>(26,293,000,000)</b>	<b>767,214,301,971</b>	<b>(26,293,000,000)</b>

(1) Khoản góp vốn theo biên bản thoả thuận số 01/BVTT-07 về hợp tác đầu tư xây dựng, khai thác khu trung tâm, văn phòng và nhà ở cao cấp tại 300 A-B Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh giữa Công ty Kinh doanh hàng thời trang Việt Nam và Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn để thành lập Công ty CP Dệt may Viễn thông Sài Gòn Vina, hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được chuyển tên sang Công ty CP Dệt may Viễn thông Sài Gòn Vina. Ngoài ra, Công ty đang làm việc với Công ty Kinh doanh Hàng Thời trang Việt Nam để thống nhất một số chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của dự án. Số vốn góp 120 tỷ đồng này sẽ được chuyển đổi thành vốn đầu tư vào Công ty CP Dệt may Viễn thông Sài Gòn Vina khi hoàn tất các thủ tục pháp lý.

(2) Khoản tiền ứng trước cho Tổng Công ty Truyền thông đa phương tiện (VTC) để mua thiết bị kỹ thuật thành lập công ty con theo Hợp đồng hợp tác thành lập Công ty Cổ phần Truyền thông VTC-SaigonTel số 10/HĐ-SGT ngày 11 tháng 11 năm 2010.

(3) Khoản phải thu Công ty CP Dịch vụ Kinh Bắc theo các hợp đồng chuyển nhượng:

+ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn ngày 12/12/2013, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 6.685.000 cổ phần, tổng giá trị hợp đồng là 133,7 tỷ đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty CP ĐTPT Nhà máy Điện Sài Gòn - Bình Thuận theo HĐ chuyển nhượng cổ phần số 1012/HĐCN-SBI ngày 10/12/2014, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 8 (tám) triệu cổ phần, tổng giá trị hợp đồng là 160 tỷ đồng.

+ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty CP ĐTPT Nhà máy Điện Sài Gòn - Bình Thuận theo HĐ chuyển nhượng cổ phần số 3003/HĐCN-SBI ngày 30/03/2015, số lượng cổ phần chuyển nhượng 4.725.000 cổ phần, tổng giá trị hợp đồng là 94,5 tỷ đồng.

(4) Khoản phải thu theo từ chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Truyền thông Sắc Màu theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 3011/HĐCN-SGC ngày 30/11/2014 và Hợp đồng chuyển nhượng số 300615/HĐCN-SGC ngày 30/06/2015.

(5) Khoản phải thu theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông phát sinh trong năm.

(6) Khoản phải thu theo HĐ số 300915/HĐCN-SPT ngày 30/09/2015 Saigontel đã chuyển nhượng 4.000.000 cổ phần của Công ty cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn cho Công Ty CP TN Global, tổng giá trị HĐ chuyển nhượng là 75.200.000.000 đồng.

(7) Khoản phải thu theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2207/2014/HĐCN/SGT-CNCP ngày 22/07/2014, theo đó số tiền đã chuyển cho bà Triệu Thị Duyên để mua 432.500 cổ phiếu Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Sài Gòn – Quy Nhơn (SQC). Đến thời điểm hiện nay, các thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu này vẫn chưa được hoàn thành.

5. **Nợ xấu:** xem thuyết minh tại trang 42.

**6. Hàng tồn kho**

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	54,136,363	-	54,366,363	-
Chi phí SX, KD dở dang	205,681,584,412	-	193,228,598,510	-
+ Chi phí xây dựng dở dang KCN Đại Đồng Hoàn Sơn	197,578,119,126	-	185,747,879,948	-
+ Chi phí khác	8,103,465,286	-	7,480,718,562	-
Hàng hoá	28,548,649,242	-	21,868,084,592	-
Hàng gửi bán	-	-	39,297,450,000	-
Cty TNHH MTV Saigontel	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>234,284,370,017</b>	<b>-</b>	<b>254,448,499,465</b>	<b>-</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: một phần hàng hóa đã được dùng để thế chấp vay được thuyết minh tại mục V.12

**7. Chi phí trả trước**

	31/03/2016	01/01/2016
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>734,260,826</b>	<b>442,304,759</b>
Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ	587,532,014	331,671,406
Chi phí khác	146,728,812	110,633,353
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>6,435,097,743</b>	<b>7,230,975,432</b>
Văn phòng Công ty	6,435,097,743	7,230,975,432
Chi phí dự án Telecom	4,351,121,770	5,107,443,981
Chi phí thực hiện các dự án tại Trà Nô	829,953,303	1,106,604,406
Chi phí chuyển nhượng kênh phân phối	-	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	362,668,564	428,922,925
Chi phí phân bổ dài hạn khác	517,981,843	156,190,021



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi nhánh Bắc Ninh	373,372,263	431,814,099
Chi phí công cụ, dụng cụ	373,372,263	431,814,099
<b>Cộng</b>	<b>7,169,358,569</b>	<b>7,673,280,191</b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Xem thuyết minh tại trang 33-34.

**9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa	Nhà và QSDĐ	Tổng cộng
<b>Nguyên giá (*)</b>				
Số dư đầu năm	18,344,615,725	130,110,626,949	-	148,455,242,674
<i>ĐT XD/CB h. thành</i>	-	-	-	-
Số dư cuối năm	18,344,615,725	130,110,626,949	-	148,455,242,674
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	869,540,013	15,674,297,554	-	16,543,837,567
<i>Khấu hao trong năm</i>	107,105,220	2,386,272,468	-	2,493,377,688
Số dư cuối năm	976,645,233	18,060,570,022	-	19,037,215,255
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	17,475,075,712	114,436,329,395	-	131,911,405,107
Số dư cuối năm	17,367,970,492	112,050,056,927	-	129,418,027,419

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/03/2016. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị ghi sổ tại ngày này.

(\*) Quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay (thuyết minh tại mục V.12).

**10. Tài sản dở dang dài hạn**

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Xây dựng cơ bản dở dang	1,793,153,342	-	1,793,153,342	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án				
<i>Dự án 300A-B Nguyễn Tất Thành</i>	1,477,762,487	-	1,477,762,487	-
<i>Dự án Tòa nhà ICT 2</i>	315,390,855	-	315,390,855	-
<b>Cộng</b>	<b>1,793,153,342</b>	<b>-</b>	<b>1,793,153,342</b>	<b>-</b>

**11. Các khoản đầu tư tài chính: xem thuyết minh tại trang 35.****12. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn và dài hạn</b>				
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>186,646,568,748</b>	<b>186,646,568,748</b>	<b>175,244,117,580</b>	<b>175,244,117,580</b>
(1) Vay ngắn hạn TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn	-	-	970,000,000	970,000,000
(2) - Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long	45,796,212,697	45,796,212,697	41,528,761,529	41,528,761,529

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CTCP Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	-	-	-	-
Ông Phạm Văn Lục	-	-	1,565,000,000	1,565,000,000
Ông Mai Văn Tú	88,431,014	88,431,014	88,431,014	88,431,014
Các cá nhân khác	10,270,000,000	10,270,000,000	600,000,000	600,000,000
(3) + Ngân hàng TMCP Quân Đội	8,629,925,037	8,629,925,037	8,629,925,037	8,629,925,037
(4) - Công ty CP Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng	50,550,000,000	50,550,000,000	50,550,000,000	50,550,000,000
(5) - Công ty CP DT & PT Hạ tầng KVCNC Sài Gòn	28,812,000,000	28,812,000,000	28,812,000,000	28,812,000,000
(12a) Trái phiếu phát hành	42,500,000,000	42,500,000,000	42,500,000,000	42,500,000,000
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>610,562,188,582</b>	<b>610,562,188,582</b>	<b>624,207,441,612</b>	<b>624,207,441,612</b>
(6) + Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long	-	-	445,200,000	445,200,000
(7) + Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	149,028,833,324	149,028,833,324	169,185,556,657	169,185,556,657
(8) + Ngân hàng TMCP Quốc Dân	110,000,000,000	110,000,000,000	110,000,000,000	110,000,000,000
(9) - Công ty CP Kim Ba	7,703,333,333	7,703,333,333	7,703,333,333	7,703,333,333
- Công ty CP Cơ điện tử - Tin học Cholimex	8,000,000,000	8,000,000,000	8,000,000,000	8,000,000,000
(11) Ninh + Ngân hàng Công Thương Bắc	94,973,298,592	94,973,298,592	83,873,351,622	83,873,351,622
(12b) Trái phiếu phát hành	240,856,723,333	240,856,723,333	245,000,000,000	245,000,000,000

**Thuyết minh các khoản vay ngân hàng**

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
(1) Hợp đồng số 831.15.201.2236018.TD ngày 01/12/2015	03 tháng	6.5%/ năm	-	Sổ tiết kiệm LA 1664332 trị giá 1.000.000.000 VNĐ thuộc sở hữu của ông Lê Nguyễn Hoàng Anh
(2) Chi tiết các hợp đồng vay tại NH TMCP Quân Đội - CN Thăng Long theo các hợp đồng sau: +7226.15.074.2200611.TD ngày 19/5/2015	48 tháng, định kỳ 1 tháng trả nợ gốc 1 lần	Từ 20/5/2015 - 20/5/2016: 10%/ năm. Từ 20/5/2016 trở đi: Áp dụng theo lãi suất thả nổi	190,800,000	Ô tô Fortuner V 2.7 4x2 theo HĐ thế chấp số 7222.15.074.2200611.BĐ ngày 20/5/2015



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+13069.15.074.2200611.TD ngày 6/7/2015	6 tháng kể từ ngày giải ngân kiêm kê ước nhận nợ	8%/ năm	45,210,930,385	BDS lô 46-KCN Phần mềm Quang Trung, P. Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. HCM và hàng hóa quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ các phương án MB tài trợ theo Chi tiết từng phương án cụ thể.
+121620.15.074.2200611.TD ngày 28/7/2015	6 tháng kể từ ngày giải ngân 21/12/2015	8%/ năm	394,482,312	BDS lô 46-KCN Phần mềm Quang Trung, P. Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. HCM và hàng hóa hình thành từ vốn vay và quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ vốn vay.
(3) Hợp đồng vay ngắn hạn số 2005.13.201.1431327 ngày 29/10/2013	12 tháng	Xác định theo từng kê ước nhận nợ cụ thể	8,629,925,037	Quyền khai thác tài sản trên đất tại Lô 46 - KCV phần mềm Quang Trung, P. Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. HCM.
(6) Là số dư nợ vay phải trả sau ngày 31/12/2016 theo HĐ 7226.15.074.2200611.TD ngày 19/5/2015.				
(7) HĐ số 1405/2011/HĐTD-DN ngày 31/05/2011, phụ lục HĐTD ngày 03/07/2012, phụ lục ngày 28/11/2014	60 tháng	Lãi suất được xác định bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND 12 tháng liền lãi cuối kỳ của [Agribank + BIDV + Vietcombank + Viettinbank]	149,028,833,324	4.500.000 cổ phiếu SQC của Công ty Cổ phần Khoáng Sản Sài Gòn Quy Nhơn.

(8) Chi tiết các hợp đồng vay lại NH TMCP Quốc Dân:

Số hợp đồng (tiếp theo)	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
+ HĐ số 395/11/HĐTD/101-11 ngày 14/06/2011	7 năm	15%/năm	37,000,000,000	1.200.000 CP của Công ty CP Khoáng Sản Quy Nhơn (SQC) trị giá 100.800.000.000 VND
+ Hợp đồng số 842/11/HĐTD/101-11 ngày 01/12/2011	Ngày đáo hạn: 12/01/2018	13,8%/năm	41,500,000,000	190.000 cổ phiếu của SQC thuộc sở hữu của ông Hoàng Minh Hương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ HĐ số 855/11/HĐTD/101-11 ngày 15/12/2011	Ngày đáo hạn: 15/02/2016	13,8%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất huy động 12 tháng hàng VNĐ bậc cao nhất cộng biên độ 3%/năm	31,500,000,000	
(11) Chi tiết số dư các hợp đồng vay tại NH TMCP Công Thương - CN Bắc Ninh như sau:				
+ 02/2014 -HĐTDDA/NHCT282-NX/NVP SGT ngày 01/10/2014	66 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	11,5%/năm	79,159,607,575	Tài sản hình thành trong tương lai từ dự án xây dựng 58.100m <sup>2</sup> Nhà xưởng và 4.950m <sup>2</sup> Nhà văn phòng tại KCN - Đại Đồng Hoàn Sơn; Các quyền lợi ích khoản thanh toán liên quan tới QSD đất và Tài sản gắn liền với đất sau thời điểm tháng 09/2014.
+ 01/2014 -HĐTDDA/NHCT282-NMN SGT ngày 01/10/2014	66 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	11,5%/năm	15,813,691,017	
(12) Hợp đồng mua bán trái phiếu số 01/2009/SGT-WB/TP ngày 09/10/2009 và Phụ lục số 01/2009/SGT-WB/TP/PL03 ngày 31/12/2014	Thời điểm đáo hạn của trái phiếu là 31/12/2019	Lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng loại lãnh cuối kỳ bình quân của 4 NH [Agribank + BIDV + Vietcombank + Vietinbank] + biên độ 3%/năm	283,356,723,333	Hợp đồng tiền gửi số 16.15.074.2200611. TG.DN ngày 22/6/2015 theo Hợp đồng cầm cố số 169.15.074.2200611. DB ngày 22/06/2015

**Thuyết minh khoản vay công ty**

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
(4) Hợp đồng vay số 01/2010/HĐVV ngày 15/08/2010 và phụ lục giải hạn	Hạn trả nợ ngày 31/12/2015	13%/năm	50,550,000,000	Tin chấp
(5) Hợp đồng vay số 07-2011/HĐVV ngày 01 tháng 03 năm 2011	Hạn trả nợ ngày 31/08/2013	Lãi suất 0,01%/ tháng	28,812,000,000	Tin chấp
(9) BB thỏa thuận số 0512/TT-SGT.14 ngày 05/12/2014	Thời hạn thanh toán đến ngày 05/12/2016	9,2%/năm	7,703,333,333	Tin chấp
(10) BB thỏa thuận số 003/2012/TTMV-ME1 ngày 03/05/2012	Thời hạn thanh toán đến ngày 31/03/2016	8%/năm	8,000,000,000	Tin chấp



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

c. Số tiền vay quá hạn chưa thanh toán	31/03/2016		01/01/2016	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Vay				
+ Công ty CP Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng	50,550,000,000	47,408,562,500	50,550,000,000	45,747,433,333
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	-	8,629,925,037	13,381,024
<b>Cộng</b>	<b>50,550,000,000</b>	<b>47,408,562,500</b>	<b>59,179,925,037</b>	<b>45,760,814,357</b>
<i>Lý do chưa thanh toán: Do Công ty chưa đạt được thỏa thuận bằng văn bản về việc gia hạn khoản nợ vay.</i>				
d. Khoản vay đối với các bên liên quan	31/03/2016		01/01/2016	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
+ Công ty CP Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng	50,550,000,000	47,408,562,500	50,550,000,000	45,747,433,333
+ Công ty CP ĐT & PT Hạ tầng KCNC Sài Gòn	28,812,000,000	169,510,600	28,812,000,000	169,510,600
+ Công ty CP Kum Ba	7,703,333,333	53,153,000	7,703,333,333	53,153,000
+ Công ty CP Cơ điện tử - Tin học Cholimex	8,000,000,000	177,994,438	8,000,000,000	177,994,438
<b>Cộng</b>	<b>95,065,333,333</b>	<b>47,809,220,538</b>	<b>95,065,333,333</b>	<b>46,148,091,371</b>
13. Phải trả người bán	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	26,364,344,137	26,364,344,137	101,584,962,230	101,584,962,230
Nhà cung cấp trong nước	22,416,841,809	22,416,841,809	38,152,656,889	38,152,656,889
+ Công ty CP Cơ điện tử - Tin học Cholimex	3,576,609,943	3,576,609,943	3,576,609,943	3,576,609,943
+ Công ty CP OTC Việt Nam	1,757,024,234	1,757,024,234	5,289,506,048	5,289,506,048
+ Công ty CP Tư Vấn và Đầu Tư Kim Hà	-	-	3,280,225,500	3,280,225,500
+ Công ty TNHH MTV SaigonTel	-	-	-	-
+ Công ty TNHH Bắc Hồng Hà	-	-	6,082,880,238	6,082,880,238
+ Công ty TNHH XD Thịnh Cường	4,312,426,800	4,312,426,800	8,976,679,850	8,976,679,850
+ Công ty TNHH KT XD Hà Nội HTCONS	-	-	1,734,576,000	1,734,576,000
+ Công ty khác	12,770,780,832	12,770,780,832	9,212,179,310	9,600,061,310
Nhà cung cấp nước ngoài	3,947,502,328	3,947,502,328	63,432,305,341	63,432,305,341
NETDRAGON WEBSOFT	917,465,233	917,465,233	917,465,233	917,465,233
SONOV CORPORATION	55,437,270	55,437,270	55,437,270	55,437,270
+ Hua KF Supply Chain (HK) Ltd	-	-	26,810,700,000	26,810,700,000
+ Tonhorn Communication Electronic Co., Ltd	-	-	30,111,345,000	30,111,345,000
Các đối tượng khác	2,974,599,825	2,974,599,825	5,537,357,838	5,537,357,838

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>b. Dài hạn</b>	-			
<b>Cộng</b>	26,364,344,137	26,364,344,137	101,584,962,230	101,584,962,230
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ Công ty CP Cơ điện tử - Tin học Cholimex	3,576,609,943	3,576,609,943	3,576,609,943	3,576,609,943
<b>Cộng</b>	3,576,609,943	3,576,609,943	3,576,609,943	3,576,609,943
<b>14. Người mua trả tiền trước</b>			31/03/2016	01/01/2016
<b>Ngắn hạn</b>			157,144,092,011	138,130,459,686
Khách hàng trong nước			155,374,597,565	136,360,965,240
+ Công ty CP Du Lịch Sài Gòn			126,996,191,357	126,996,191,357
+ Công ty khác			28,378,406,208	9,364,773,883
Khách hàng nước ngoài			1,769,494,446	1,769,494,446
<i>Văn phòng Công ty</i>			1,769,494,446	1,769,494,446
Công ty Movitel, S.A			1,769,494,446	1,769,494,446
<b>Cộng</b>			157,144,092,011	138,130,459,686
<b>15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>			Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm
	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/03/2016
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1,379,581,592	8,182,595,383	8,631,462,918	930,714,057
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,694,897,394	380,188,611	377,328,289	5,697,757,716
Thuế thu nhập cá nhân	503,183,070	406,291,753	230,008,887	679,465,936
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-	-
Các loại thuế khác	53,332,169	29,844,882	29,410,302	55,766,749
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	7,632,994,225	8,998,920,629	9,268,210,396	7,363,704,458
	01/01/2016	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	31/03/2016
<b>b. Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18,680,021,226	3,972,758,365	6,598,888,052	16,053,891,539
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,062,266,134	-	-	1,062,266,134
Thuế thu nhập cá nhân	2,784,556	-	2,784,556	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	53,102,685	-	-	849,481,474
<b>Cộng</b>	19,798,174,601	3,972,758,365	6,601,672,608	17,965,639,147



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/03/2016	01/01/2016
<b>16. Chi phí phải trả</b>		
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>60,763,185,608</b>	<b>58,458,000,294</b>
Trích trước chi phí lãi vay	47,658,719,549	45,789,524,423
Chi phí phải trả khác	4,086,748,068	3,872,739,365
Trích trước giá vốn hoạt động cho thuê đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất	7,617,156,103	7,617,156,103
Trích trước chi phí lãi vay	-	28,710,066
Chi phí kiểm toán	20,454,545	45,454,545
Trích trước chi phí thuê văn phòng	1,365,688,560	1,110,688,560
Chi phí phải trả khác	14,418,783	22,437,298
<b>b. Dài hạn</b>	<b>333,664,953,501</b>	<b>321,159,259,925</b>
Trích trước chi phí lãi vay	283,344,200,112	270,838,506,536
Trích trước chi phí bán quyền game	124,190,510	124,190,510
Trích trước giá vốn hoạt động cho thuê đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất	50,196,562,879	50,196,562,879
<b>Cộng</b>	<b>394,428,139,109</b>	<b>379,617,260,219</b>
<b>17. Phải trả khác</b>	<b>31/03/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	19,660,650	5,795,820
Bảo hiểm xã hội	260,895,325	260,895,325
Bảo hiểm y tế	17,442,946	17,442,946
Bảo hiểm thất nghiệp	8,313,555	8,313,555
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	258,660,645	258,660,645
Các khoản phải trả, phải nộp khác	62,678,022,179	64,602,229,203
+ Ông Nguyễn Sơn	5,668,078,815	5,668,078,815
+ Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	6,000,000,000	8,000,000,000
+ Bà Lê Thị Tường Vi	-	6,500,000,000
+ Công ty CP KCN Sài Gòn - Hải Phòng	200,000,000	200,000,000
+ Công ty CP TN Global	-	700,000,000
+ Ông Vũ Ngọc Ánh	-	-
+ Công ty CP KCN Sài Gòn - Bắc Giang (2)	21,592,687,097	21,592,687,097
+ Công ty CP KCN Sài Gòn - Hải Phòng (1)	8,700,000,000	8,700,000,000
+ Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh	72,000,000	72,000,000
+ Ông Đặng Thành Tâm (3)	7,000,000,000	7,000,000,000
+ CTCP TN Global	800,000,000	800,000,000
+ Các đối tượng khác	19,540,876,574	313,121,791
<b>Cộng</b>	<b>63,242,995,300</b>	<b>65,153,337,494</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3,002,995,600	2,957,995,600
Công ty TNHH Thực phẩm ORION VINA	66,000,000	66,000,000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	223,730,600	223,730,600
Công ty TNHH GIIP FAR EAST	1,294,839,000	1,294,839,000
Công ty TNHH MTV NEOBAGS VIỆT NAM	343,300,000	343,300,000
Công ty TNHH Green Textile Vina	52,800,000	52,800,000
Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư SGI	110,466,000	110,466,000
Công ty TNHH TM & DV NINA	714,060,000	714,060,000
Các đối tượng khác	197,800,000	152,800,000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	191,549,785,178	191,549,785,178
Văn phòng Công ty	191,549,785,178	191,549,785,178
+ Công ty CP Đầu tư Sài Gòn (4)	51,547,175,178	51,547,175,178
+ Bà Nguyễn Thị Kim Thanh (5)	80,000,000,000	80,000,000,000
+ Công ty Cổ phần Năng lượng Sài Gòn - Bình Định (6)	60,000,000,000	60,000,000,000
+ Các đối tượng khác	2,610,000	2,610,000
<b>Cộng</b>	<b>194,552,780,778</b>	<b>194,507,780,778</b>

(1) Khoản vay theo Hợp đồng thoả thuận cho vay giữa Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn - chi nhánh Bắc Ninh ký ngày 26 tháng 11 năm 2012, thời gian cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay 0%.

(2) Khoản phải trả do cần trừ công nợ theo Thỏa thuận số 42 ngày 29/05/2012 giữa 3 bên: Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn, Công ty Cổ phần KCN Sài Gòn - Bắc Giang và Công ty TNHH NewHopx Hà Nội.

(3) Khoản mượn tiền theo Hợp đồng thoả thuận mượn vốn số 01/TTMV/TEAM-SGT/2014 ngày 29/12/2014, theo đó số tiền mượn là 7 tỷ đồng; Mục đích mượn vốn: Thực hiện một số giao dịch, hoạt động kinh doanh và đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật; Thời hạn mượn vốn: 12 tháng kể từ ngày chuyển tiền đầu tiên; Phí mượn vốn: 0%.

(4) Khoản mượn vốn theo Thỏa thuận mượn vốn số 0914/TT-SGT.11 ngày 14/09/2011 và các phụ lục hợp đồng, hạn mức cho mượn là 100.000.000.000 đồng với lãi suất là 0%/năm.

(5) Khoản mượn vốn theo Thỏa thuận mượn vốn số 0109/2014/TTMV-SGT ngày 01/09/2014, hạn mức cho mượn là 150.000.000.000 đồng với lãi suất là 0%/năm.

(6) Khoản hợp tác đầu tư dài hạn vào dự án 300 A-B Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, Tp.Hồ Chí Minh và 84 Hùng Vương, Đà Nẵng.

<b>18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn</b>	<b>31/03/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Doanh thu cho thuê văn phòng, cung cấp dịch vụ & bảo vệ	348,471,899	1,422,068,111
Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng	356,764,200	356,764,200
Doanh thu khác	14,025,002	13,775,000
<b>Cộng</b>	<b>719,261,101</b>	<b>1,792,607,311</b>

<b>19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>31/03/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả</b>	<b>27,014,341,024</b>	<b>27,175,800,014</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	27,014,341,024	27,175,800,014
<b>Cộng</b>	<b>27,014,341,024</b>	<b>27,175,800,014</b>

**20. Vốn chủ sở hữu**

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: xem trang số 36.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<b>31/03/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	740,016,040,000	740,016,040,000
Cổ phiếu quỹ	-	3,100,000
<b>Cộng</b>	<b>740,016,040,000</b>	<b>740,019,140,000</b>
* Số lượng cổ phiếu quỹ	310	310



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Quý 1/2016	Quý 1/2015
<b>e. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	740,019,140,000	740,019,140,000
<i>Vốn góp đầu năm</i>	740,019,140,000	740,019,140,000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
<i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
<i>Vốn góp cuối năm</i>	740,019,140,000	740,019,140,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
<b>d. Cổ phiếu</b>	<b>31/03/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	74,001,914	74,001,914
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	74,001,914	74,001,914
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	74,001,914	74,001,914
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	310	310
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	310	310
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	74,001,604	74,001,604
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	74,001,604	74,001,604
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>	<i>10,000</i>	<i>10,000</i>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Quý 1/2016	Quý 1/2015
<b>I. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<b>a. Doanh thu</b>		
Doanh thu hoạt động thương mại - (dịch vụ)	84,182,404,990	70,292,879,553
Doanh thu hoạt động cho thuê văn phòng	3,821,634,163	2,239,564,995
Doanh thu hoạt động cho thuê văn phòng & nhà xưởng	6,318,887,436	4,299,233,617
Doanh thu hoạt động cho thuê lại đất	647,459,958	619,624,689
<b>Cộng</b>	<b>94,970,386,547</b>	<b>77,451,302,854</b>
<b>b. Doanh thu cho thuê (tài sản)</b>	<b>Quý 1/2016</b>	<b>Quý 1/2015</b>
Sự khác biệt giữa việc ghi nhận doanh thu một lần và ghi nhận doanh thu theo phương pháp phân bổ dần theo thời gian cho thuê:		
<b>b1. Ghi nhận doanh thu một lần</b>	<b>Quý 1/2016</b>	<b>Quý 1/2015</b>
Doanh thu	647,459,958	619,624,689
Lợi nhuận kế toán trước thuế	622,626,216	594,790,947
<b>b2. Ghi nhận doanh thu theo phương pháp phân bổ dần theo thời gian cho thuê</b>	<b>Quý 1/2016</b>	<b>Quý 1/2015</b>
Doanh thu	15,791,706	14,752,969
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15,186,005	14,161,639

Khả năng suy giảm lợi nhuận và luồng tiền trong tương lai ảnh hưởng từ việc ghi nhận doanh thu đối với toàn bộ số tiền nhận trước;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Theo đánh giá của công ty thì công ty không xảy ra khả năng suy giảm lợi nhuận và lương tiền trong tương lai do đã ghi nhận doanh thu đối với toàn bộ số tiền nhận trước đối với hợp đồng cho thuê đất tại Khu Công Nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Vì công ty đã thu tiền được 100% số tiền thuê của hợp đồng cho thuê đất này trong kỳ

<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Quý 1/2016</b>	<b>Quý 1/2015</b>
Hàng bán bị trả lại	1,366,881,700	29,545,455
Chiết khấu thương mại	98,745,455	-
Giảm giá hàng bán	-	11,909,091
<b>Cộng</b>	<b>1,465,627,155</b>	<b>41,454,546</b>
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Quý 1/2016</b>	<b>Quý 1/2015</b>
Doanh thu hoạt động thương mại - dịch vụ	82,716,777,835	70,251,425,007
Doanh thu hoạt động cho thuê văn phòng	3,821,634,163	2,239,564,995
Doanh thu hoạt động cho thuê văn phòng & nhà xưởng	6,318,887,436	4,299,233,617
Doanh thu hoạt động cho thuê lại đất	647,459,958	619,624,689
<b>Cộng</b>	<b>93,504,759,392</b>	<b>77,409,848,308</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Quý 1/2016</b>	<b>Quý 1/2015</b>
Giá vốn hoạt động thương mại - dịch vụ	63,980,116,069	69,332,117,408
Giá vốn hoạt động cho thuê văn phòng	2,117,614,441	1,421,606,135
Giá vốn hoạt động bán và cho thuê nhà xưởng	3,532,258,670	-
Giá vốn hoạt động cho thuê lại đất	24,833,742	2,136,278,539
<b>Cộng</b>	<b>69,654,822,922</b>	<b>72,890,002,082</b>
<b>5. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Quý 1/2016</b>	<b>Quý 1/2015</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	345,997,681	141,677,504
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	1,825,730,485	30,233,750,000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1,726,120,000
<b>Cộng</b>	<b>2,171,728,166</b>	<b>32,101,547,504</b>
<b>6. Chi phí tài chính</b>	<b>Quý 1/2016</b>	<b>Quý 1/2015</b>
Lãi tiền vay	16,076,088,921	19,123,974,473
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Dự phòng/ (hoàn nhập dự phòng) các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
Chi phí tài chính khác	-	2,884,672
<b>Cộng</b>	<b>16,076,088,921</b>	<b>19,126,859,145</b>
<b>8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Quý 1/2016</b>	<b>Quý 1/2015</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	380,188,611	295,650,742



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý 1/2016	Quý 1/2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3,963,842,844	9,562,439,603
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3,963,842,844	9,562,439,603
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	74,001,604	74,001,604
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	54	129

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	Quý 1/2016	Quý 1/2015
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	82,856,017,078	16,471,634,453
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	Quý 1/2016	Quý 1/2015
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	83,158,818,940	38,991,567,165

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ****2. Giao dịch với các bên liên quan**

Các giao dịch và số dư trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ phải thu (phải trả)
Công ty CP Dịch vụ Kinh Bắc	Thành viên HĐQT Nguyễn Thị Kim Thanh có anh ruột Nguyễn Sơn là chủ tịch HĐQT của công ty CP Dịch Vụ Kinh Bắc	Chuyển nhượng cổ phần	-	388,200,000,000
CTCP Khoáng Sản Sài Gòn Quy Nhơn	SGT có đầu tư dài hạn vào công ty CP Khoáng Sản Sài Gòn Quy Nhơn	Phải thu tiền thuê đất		199,750,000,000
Công ty CP Kum Ba	Công ty CP Đầu Tư Sài Gòn là cổ đông lớn của SGT có công ty con là công ty CP Kum Ba	Phải trả tiền vay		(7,703,333,333)
Công ty CP KCN Sài Gòn - Bắc Giang	Chung nhà đầu tư là Tổng Công ty CP Kinh Bắc	Phải trả tiền mượn		(21,592,687,097)
Công ty CP KCN Sài Gòn - Hải Phòng	Chung nhà đầu tư là Tổng Công ty CP Kinh Bắc	Phải trả tiền mượn		(7,200,000,000)
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn	Cổ đông lớn của SGT	Phải trả tiền mượn		(51,547,175,178)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty CP Cơ điện tử - Tin học Cholimex	Thành viên HĐQT Nguyễn Thị Sương là chủ tịch HĐQT của công ty CPCơ điện tử - Tin học Cholimex	Chuyển nhượng cổ phần	-	31,250,000,000
Ông Đặng Thành Tâm	Chủ tịch HĐQT	Phải trả tiền mượn		(7,000,000,000)
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Thành viên HĐQT	Mượn tiền	-	(80,000,000,000)
Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	54,172,800,000

**3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:**

Xem thuyết minh lại trang số 38-39.

**4. Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa báo cáo quý của kỳ công bố so với báo cáo quý cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên**

- Căn cứ theo thông tư số 52/2012/TT-BTC ban hành ngày 05/04/2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, nay công ty CP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của quý công bố so với quý cùng kỳ năm trước đã công bố có biến động như sau:

- Lợi nhuận sau thuế quý 1/2015:	9,562,439,603
- Lợi nhuận sau thuế quý 1/2016:	3,963,842,844
⇒ Chênh lệch giảm :	(5,598,596,760) đồng tương ứng tỷ lệ giảm : (58.5%)

- Nguyên nhân giảm là do:

+ Hoạt động kinh doanh chính chủ yếu đem lại lợi nhuận góp gia tăng đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, trong năm nay mảng doanh thu hoạt động tài chính giảm 30,1 tỷ.

các khoản vay đến hạn và hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi từ khoản công nợ phải thu thương mại. Điều này làm giảm chi phí tài chính và giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Từ các yếu tố trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế của quý 1/2016 giảm so với quý 1/2015 là (58.5%)

**5. Thông tin về hoạt động liên tục:** Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Người lập biểu  
  
Cao Nữ Ngọc Dung

Q. Kế toán trưởng  
  
Lê Nguyễn Hoàng Anh





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định hữu hình khác		Tổng cộng
				Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng	
<b>8. Tài sản cố định hữu hình</b>						
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	39,519,404,219	4,687,513,624	9,049,374,006	31,975,338,002		85,231,629,851
<i>Mua trong năm</i>	-	-	832,154,545	833,831,818		1,685,986,363
<i>ĐT XDCB h. thành</i>	-	-	-	-		-
<i>Tặng khác</i>	-	-	-	-		-
<i>Chuyển sang BDS</i>	-	-	-	-		-
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-		-
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	-		-
<b>Số dư cuối năm</b>	39,519,404,219	4,687,513,624	9,901,528,551	32,809,169,820		86,917,616,214
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	13,096,155,550	2,865,447,120	3,494,592,768	2,022,804,446		21,478,999,880
<i>Khấu hao trong năm</i>	430,204,680	399,910,135	369,493,229	49,933,314		1,449,541,358
<i>Tặng khác</i>	-	-	-	-		-
<i>Chuyển sang BDS</i>	-	-	-	-		-
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-		-
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	-		-
<b>Số dư cuối năm</b>	13,526,360,230	3,465,357,255	3,864,085,997	2,072,737,760		22,928,541,237
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	26,423,248,669	1,822,066,504	5,554,781,239	29,952,533,556		63,752,629,971
<b>Số dư cuối năm</b>	25,993,043,989	1,222,156,369	6,037,442,555	30,736,432,060		63,989,074,977

\* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 27.315.597.756 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016*

*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

- \* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.223.245.236 VND.
- \* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ chờ thanh lý: không phát sinh.
- \* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không phát sinh.
- \* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không phát sinh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày: 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/03/2016			01/01/2016		
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>		536.697.645,776	(23.510,762,792)	801,056,882,984	541,064,645,776	(23,510,762,792)
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn Quý Nhơn	6,270,000	220,000,000,000	-	507,670,000,000	220,000,000,000	-
+ Công ty CP Dịch Vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn	10,753,665	171,338,144,445	(4,965,676,832)	166,372,467,613	171,338,144,445	(4,965,676,832)
+ Công ty CP Địa ốc Viễn Đông Việt Nam	6,141,000	75,610,726,331	(15,102,658,606)	60,308,067,725	75,610,726,331	(15,102,658,606)
+ Ủy thác đầu tư tại Công ty CP Địa ốc Viễn Đông Việt Nam	1,399,750	27,356,750,000	(3,442,427,354)	23,914,322,646	27,356,750,000	(3,442,427,354)
+ Công ty CP Dệt May Viễn thông Sài Gòn FINA	640,000	6,400,000,000	-	6,400,000,000	6,400,000,000	-
+ Công ty CP DT & PT HT KCN Cao Sài Gòn	2,881,200	28,812,000,000	-	28,812,000,000	28,812,000,000	-
+ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt (1)	-	-	-	-	4,367,000,000	-
- Trường ĐHDL Hùng Vương	230,000	2,300,000,000	-	2,300,000,000	2,300,000,000	-
- Công ty CP Đầu tư Việt Số	375,000	4,880,025,000	-	4,880,025,000	4,880,025,000	-
<b>Cộng</b>		536.697.645,776	(23.510,762,792)	801,056,882,984	541,064,645,776	(23,510,762,792)

(1) Khoản giám vốn theo thông báo số 18/2016/NC-VCCAM ngày 01/02/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**20. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ Phiếu Quỹ	Chênh lệch tỷ giá hội đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2015	740,019,140,000	(3,100,000)	-	(302,854,339,965)	437,161,700,035
Lợi nhuận	-	-	-	22,331,754,860	22,331,754,860
Số dư tại ngày 31/12/2015	740,019,140,000	(3,100,000)	-	(280,522,585,104)	459,493,454,895
Số dư tại ngày 01/01/2016	740,019,140,000	(3,100,000)	-	(280,522,585,104)	459,493,454,895
Lợi nhuận	-	-	-	3,963,842,844	3,963,842,844
Số dư tại ngày 31/03/2016	740,019,140,000	(3,100,000)	2,746,071	(276,558,742,261)	463,460,043,810





CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

3.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Hoạt động thương mại - dịch vụ và hoạt động khác	Hoạt động cho thuê văn phòng	Hoạt động cho thuê và bán nhà xưởng	Hoạt động cho thuê lại đất	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	82,716,777,835	3,821,634,163	6,318,887,436	647,459,958	93,504,759,392
2. Giá vốn	63,980,116,069	2,117,614,441	3,532,258,670	24,833,742	69,654,822,922
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	18,736,661,766	1,704,019,722	2,786,628,766	622,626,216	23,849,936,470
5. Tài sản bộ phận	28,602,785,605	17,367,970,492	112,050,056,927	205,681,584,412	363,702,397,437
6. Tài sản không phân bổ					1,764,875,115,723
<b>Tổng tài sản</b>					<b>2,128,577,513,160</b>
7. Nợ phải trả bộ phận					1,665,117,469,350
8. Nợ phải trả không phân bổ					1,665,117,469,350
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>1,665,117,469,350</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

3.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Bắc Ninh	Tp.HCM	Tp. Hà Nội	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	77,678,158,471	(31,669,571,559)	47,496,172,480	93,504,759,392
2. Giá vốn	34,417,547,879	(8,211,242,559)	43,448,517,602	69,654,822,922
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	43,260,610,592	(23,458,329,000)	4,047,654,878	23,849,936,470
4. Tài sản bộ phận	661,042,063,703	1,387,396,076,566	80,139,372,891	2,128,577,513,160
5. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>661,042,063,703</b>	<b>1,387,396,076,566</b>	<b>80,139,372,891</b>	<b>2,128,577,513,160</b>
6. Nợ phải trả bộ phận	338,652,475,987	1,265,598,198,473	60,866,794,890	1,665,117,469,350
7. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>338,652,475,987</b>	<b>1,265,598,198,473</b>	<b>60,866,794,890</b>	<b>1,665,117,469,350</b>

Số: 20 /CVSGT/2016

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2015.

(V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2015 giám so với năm 2014, chênh lệch số liệu kết quả kinh doanh trước và sau kiểm toán năm 2015 và việc chậm nộp báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015)

**Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP HCM**

Căn cứ vào:

- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2015 của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn ( SGT) đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và Dịch Vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC) đã công bố ngày 01/04/2016
  - Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất quý 4 năm 2015 đã công bố ngày 16/02/2016
  - SGT xin giải trình các chênh lệch liên quan đến kết quả kinh doanh năm 2015 như sau:
- 1. Giải trình số liệu kết quả kinh doanh tại báo cáo kết quả kinh doanh trước và sau kiểm toán chênh lệch từ 5% trở lên:**
- Tại báo cáo kết quả kinh doanh riêng lẻ:

Chỉ tiêu	Năm 2015		Chênh lệch	Đơn vị tính: đồng	
	Số liệu báo cáo sau kiểm toán	Số liệu báo cáo trước kiểm toán		Tăng/Giảm %	Ghi Chú
	(1)	(2)		(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)
Chi phí tài chính	72,374,555,779	67,408,878,947	4,965,676,832	7.37%	(1)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	34,486,837,596	24,090,347,812	10,396,489,784	43.16%	(2)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30,207,085,042	45,642,251,658	(15,435,166,616)	-33.82%	(3)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30,696,373,881	46,131,540,497	(15,435,166,616)	-33.46%	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25,252,401,833	40,658,931,143	(15,406,529,310)	-37.89%	

- (1) Tăng chi phí tài chính do trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư cổ phiếu vào công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn Thông theo quy định tại thông tư 228/2009/TT-BTC.
- (2) Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp do trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu thương mại theo quy định tại thông tư 228/2009/TT-BTC.
- (3) Giảm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận kế toán trước và sau thuế thu nhập doanh nghiệp do ảnh hưởng của các nguyên nhân nêu trên.

- Tại báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất:

Chỉ tiêu	Năm 2015		Chênh lệch	Đơn vị tính: đồng	
	Số liệu báo cáo sau kiểm toán	Số liệu báo cáo trước kiểm toán		Tăng/Giảm %	Ghi Chú
	(1)	(2)		(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	539,902,121,248	487,798,383,308	52,103,737,940	10.68%	(1)

BM01-QT06-HC / LSGĐ: 01















Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 sau kiểm toán		Số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất quý 4/2015		Chênh lệch	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Giá trị
	(1)		(2)		(3)=(1)-(2)	
Công ty CP ĐTPT NM điện SG Bình Thuận	-	-	4.725.000	94.500.000.000	(4.725.000)	(94.500.000.000)
Cty CP Dịch Vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn	10.753.665	171.338.144.445	16.003.665	277.788.144.445	(5.250.000)	(106.450.000.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.753.665</b>	<b>171.338.144.445</b>	<b>20.728.665</b>	<b>372.288.144.445</b>	<b>(9.975.000)</b>	<b>(200.950.000.000)</b>

Cuối năm 2015, SGT tiến hành mua các cổ phiếu của hai công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà Máy điện Sài Gòn Bình Thuận và công ty CP Dịch Vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn. Tuy nhiên, SGT và bên chuyển nhượng cổ phiếu chưa thực hiện hoàn tất thủ tục sang tên nên SGT thực hiện điều chỉnh giảm các chỉ tiêu trên khoản mục "Đầu tư tài chính dài hạn" theo đúng quy định.

#### 5. Giải trình việc chậm nộp báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Ngày 29/3/2016, SGT đã gửi công văn số 12/2016/CV-SGT đề nghị gia hạn thời gian nộp báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán do SGT có nhiều công ty con phải phát hành BC kiểm toán nên không kịp tổng hợp báo cáo để phát hành. Sau đó, SGT cũng chưa nhận được công văn phúc đáp của Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước về việc có chấp thuận cho việc gia hạn nêu trên hay không. Tuy nhiên, về phía SGT và AISC đã nỗ lực hết sức để phát hành báo cáo sớm nhất có thể.

Trên tinh thần nỗ lực đó, ngày 01/04/2016, SGT đã hoàn tất việc nộp báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2015 đã được kiểm toán cho các cơ quan quản lý, đồng thời thực hiện công bố thông tin trên website của SGT theo quy định.

Trân trọng,

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN CẨM PHƯƠNG**

Phản xác nhận của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. HCM

Chúng tôi xác nhận các giải trình của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn là phù hợp.

THAM CH VI PHU

18/04/2016



